

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
10	Lò Văn Hặc	1965			Thái	Người sx giỏi	Nà Nhạn 1	Sáp nhập bản									
11	Quàng Văn Khặt	1973			Thái	TP khác	Nà Nhạn 2	Sáp nhập bản									
12	Mùa A Dính (chết)	1963			Mông	TP khác	Nà Pen 1	Đã từ trần, sáp nhập									
13	Vàng Bua Di	1958			Mông	TP khác	Nà Pen 4	Sáp nhập bản									
VII	Xã Nà Tấu			18								3					
1	Vàng A Dưa	1960			Mông	TP khác	Hua Rốm 2	Mất tín nhiệm									
2	Lò Văn Tâm	1960			Thái	Trưởng bản	Tà Cáng 1	Sáp nhập bản									
3	Lò Văn Tin	1962			Thái	TP khác	Tà Cáng 2										
4	Tòng Văn Tun	1951			Thái	CBNH	Co Đứa	Mất tín nhiệm									
5	Lò Văn Ún	1956			Thái	CBNH	Nà lão	Mất tín nhiệm									
6	Lò Văn Inh	1960			Thái	TP khác	Xôm 2	Mất tín nhiệm									
7	Lò Văn Bương	1951			Thái	TP khác	Nà Cái 2	Mất tín nhiệm									
8	Lường Văn Khoán	1947			Thái	TP khác	Cang 1	Sáp nhập Thôn	Cà Văn Lư	1968			Thái	Trưởng	Bản Cang	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
9	Lò Văn Tiến	1965			Thái	TP khác	Cang 2	bản và bầu mới	Cả Văn Tiến	1965			Thái	đồng họ	Bản Cang	Thay thế	
10	Lường Văn Sáng	1942			Thái	TP khác	Hua Luống	Bệnh tật	Lò Văn Tiêng	1954			Thái	CBNH	Hua Luống	Thay thế	
11	Lường Văn Páng	1939			Thái	TP khác	Nà Luống 1	Sáp nhập bản									
12	Lò Văn Mưu	1949			Thái	TP khác	Nà Luống 3										
13	Lò Văn Hặc	1958			Thái	CBNH	Hồng Lú 1	Sáp nhập Thôn bản và bầu mới	Lò Văn Hoàn	1957			Thái	CBNH	Hồng Lú	Thay thế	
14	Lò Văn Nghiên	1946			Thái	TP khác	Hồng Lú 2										
15	Quảng Văn Pâng	1940			Thái	TP khác	Nà Tấu 1	Sáp nhập bản									
16	Quảng Văn Bánh	1957			Thái	TP khác	Nà Tấu 2										
17	Quảng Văn Tiệp	1969			Thái	TP khác	Nà Tấu 6	Mất tín nhiệm									
18	Hoàng Công Dung	1965			Thái	TP khác	Nà Tấu 4	Mất tín nhiệm									
VIII	Xã Mường Phăng			16								10					
1	Quảng Văn Toán	1968			Thái	Trưởng bản	Bản Cang 1	Sáp nhập và bầu mới	Lò Văn Linh	1944			Thái	Già làng	Bản Cang 1	Thay thế	
2	Lù Văn Mọc	1962			Thái	TP khác	Bản Cang 4										

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
3	Lường Văn Định	1969			Thái	TP khác	Bản Cang 2	Sáp nhập và bầu mới	Lù Văn Ổn	1962			Thái	Già làng	Bản Cang 2	Thay thế	
4	Lù Văn Chứa	1959			Thái	TP khác	Bản Cang 3										
5	Lò Văn Bánh	1945			Thái	TP khác	Bản Co Mặn 1	Sáp nhập và bầu mới	Lò Văn Bánh	1948			Thái	Già làng	Bản Co Mặn	Thay thế	Tên bản mới
6	Lò Văn Trục	1972			Thái	TP khác	Bản Co Mặn 2										
7	Lường Văn Ộ	1952			Thái	TP khác	Bản Yên 1	Sáp nhập và bầu mới	Lường Văn Sơn	1960			Thái	Già làng	Bản yên 2	Thay thế	
8	Quảng Văn Học	1962			Thái	TP khác	Bản Yên 2										
9	Lường Văn Giót	1950			Thái	TP khác	Bản Yên 3		Lường Văn Hặc	1950			Thái	Già làng	Bản Yên 1	Thay thế	
10	Cà Văn Dọn	1954			Thái	TP khác	Bản Che Căn	Sáp nhập và bầu mới	Lò Văn Lả	1955			Thái	Già làng	Che Căn	Thay thế	
11	Lò Văn Tiên	1968			Thái	Trưởng bản	Bản Co Khô										
12	Lường Văn Khội	1969			Thái	Trưởng bản	Phăng 3	sáp nhập và bầu mới	Lường Văn Ún	1966			Thái	Già làng	Phăng 2	Thay thế	
13	Lường Văn Suong	1957			Thái	Trưởng bản	Bản Phăng 2										
14	Quảng Văn So	1950			Thái	TP khác	Bản Bua	Mất uy tín	Lò Văn Biên	1950			Thái	Già làng	Bản Bua	Thay thế	
15	Cà Văn Hoa	1950			Thái	Truởng ban	Bản trung tâm	Do sức khỏe yếu	Lò Thị Quyết	1984			Thái	Trưởng bản	Trung tâm	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
16	Lường Văn Phung	1947			Thái	TP khác	Bản Co Lúu	Do sức khỏe yếu	Lò Văn Hưởng		1965		Thái	Trưởng bản	Bản Co Lúu	Thay thế	
IX	Xã Pá Khoang			6													
1	Lường Văn Toán	1968			Thái	TP khác	Bản Xôm 2	Sáp nhập bản									
2	Quảng Văn Dưn	1972			Khơ Mú	TP khác	Bản Kéo	Sáp nhập bản									
3	Cà Văn Phúc	1958			Thái	TP khác	Bản Nghiêu 2	Sáp nhập bản									
4	Lò Văn Pính	1977			Thái	TP khác	Bản Hà 2	Sáp nhập bản									
5	Lường Văn Lả	1965			Khơ Mú	TP khác	Bản Vang 2	Sáp nhập bản									
6	Lường Văn Sơn	1963			Thái	Bản Sáng - Pá Khoang		Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
B	Thị xã Mường Lay			16								8					
I	Phường Na Lay			9								2					
1	Lù Thị Hợp		1959		Thái	Trưởng bản	TDP 2	Sáp nhập Tổ dân phố	Điêu Văn Sín	1947			Thái	TP khác	Bản Na Nát	Thay thế	
2	Lò Thị Nam		1947		Thái	TP khác	TDP 3	Sáp nhập Tổ dân phố	Lù Văn Chanh	1958			Thái	CB nghỉ hưu	Bản Đór	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
3	Lò Văn Óp	1954			Thái	TP khác	TDP 6	Sáp nhập Tổ dân phố									
4	Hoàng Văn Phiến	1971			Thái	TP khác	TDP 7	Sáp nhập Tổ dân phố									
5	Đieu Xuân Thành	1958			Thái	CB nghỉ hưu	TDP 10	Sáp nhập Tổ dân phố									
6	Đieu Văn Sấm	1949			Thái	Trưởng bản	Bản Bó	Sáp nhập Bản									
7	Đieu Văn Vần	1958			Thái	Trưởng bản	Bản Na Nát	Không còn uy tín									
8	Hoàng Văn Tự	1959			Thái	TP khác	Bản Đór	Đã qua đời									
9	Đào Chí Quyên	1938			Kinh	TP khác	TDP 3	Sáp nhập Tổ dân phố									
II	Xã Lay Nưa			7								5					
1	Khoảng Thị Chai		1961		Thái	CB nghỉ hưu	Bản Ho Luông 1	Không còn uy tín	Lò Văn Phấn	1956			Thái	Già làng	Bản Ho Luông 1	Thay thế	
2	Khoảng Văn Nôm	1958			Thái	CB nghỉ hưu	Bản Ho Luông 3	Ôm đau, đi lại khó khăn	Lò Văn Quyết	1962			Thái	TP khác	Bản Ho Luông 3	Thay thế	
3	Lù Minh Ngop	1945			Thái	CB nghỉ hưu	Bản Na Ka	Đã qua đời	Lò Văn Châu	1957			Thái	TP khác	Bản Na Ka	Thay thế	
4	Lò Thị Hum		1954		Thái	TP khác	Bản Tạo Sen	Sáp nhập Bản	Hoàng Thị Hương		1971		Thái	TP khác	Bản Tạo Sen	Thay thế	
5	Lò Văn Vén	1971			Thái	TP khác	Bản Mé	Sáp nhập Bản									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
6	Sin Văn Phán	1958			Thái	TP khác	Bản Ló 1	Sáp nhập Bản	Sin Văn Vị	1956			Thái	TP khác	Bản Ló	Thay thế	
7	Lò Văn Lún	1960			Thái	Trường bản	Bản Ló 2	Sáp nhập Bản									
III	Phường Sông Đà											1					
1									Đieu Văn Phòng	1970			Thái	TP khác	Tổ dân phố 01	Bổ sung	
C	Huyện Mường Chà			34								19					
I	Xã Sá Tổng			1													
1	Hồ Phái Sỏ	1958			Mông	Nông dân	Bản Háng Lìa	Do sáp nhập bản									
II	Xã Sa Long			2								1					
1	Lý Dụ Cáng	1962			Mông	Nông dân	Bản Háng Lìa	Do sáp nhập bản	Lý Dụ Cáng	1962			Mông	Nông dân	Bản 36	Thay thế	
2	Sinh A Phừ	1979			Mông	Nông dân	Bản Pu Ca	Do sáp nhập bản									
III	Xã Huổi Mí			1													
1	Lù Văn Lương	1977			Thái	Nông dân	Bản Huổi Páng	Do sáp nhập bản									
IV	Xã Nậm Nèn			2								1					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Vừ xáy Dua	1962			Mông	Nông dân	Bản Háng Trờ	Do sáp nhập bản	Hạng A Dua	1985			Mông	Nông dân	Bản Háng Trờ	Thay thế	
2	Hạng A Sĩa	1983			Mông	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Bản Hô Cút	Do sáp nhập bản									
V	Xã Pa Ham			3								1					
1	Khòang Văn Vông	1941			Thái	Nông dân	Bản Pa Ham I	Do sáp nhập bản									
2	Thào Xè Linh	1965			Mông	Nông dân	Bản Huổi Bon II	Do sáp nhập bản									
3	Lò Văn Hăn	1928			Thái	Già làng	Mường Anh II	không còn uy tín	Lò Văn Than	1939			Thái	Khác	Mường Anh II	Thay thế	
VI	Xã Mường Tùng			11								5					
1	Lò Văn hợp	1960			Thái	Nông dân	Bản Mường Tùng	Do sáp nhập bản									
2	Cao Xuân Quyết		1960		Thái	Nông dân	Bản Mới	Do sáp nhập bản	Lù Văn Vặn	1959			Thái	Cán bộ nghỉ hưu	Bản Tin Tộc	Thay thế	
3	Lù Văn Chai	1942			Thái	Khác	Bản Tin Tộc	Do sáp nhập bản									
4	Vì Thị Tiên		1959		Thái	Nông dân	Bản Nậm He I	Do sáp nhập bản	Lường Văn Phương	1955			Thái	Nông dân	Bản Nậm He	Thay thế	
5	Lường Văn Phiêng	1957			Thái	Nông dân	Bản Nậm He II	Do sáp nhập bản									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
		(3)	(4)	(5=3 +4)						(11)	(12)	(13=11 +12)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
6	Lầu A Phía	1976			Mông	Nông dân	Bản Nậm Cang I	Do sáp nhập bản									
7	Chang A Ché	1955			Mông	Nông dân	Bản Nậm Piền	Tuổi già sức yếu	Ly A Ca	1966			Mông	Nông dân	Bản Nậm Piền	Thay thế	
8	Lò Thị Lén		1957		Thái	Nông dân	Bản Pom Cại	không còn uy tín	Lò Thị Mai		1962		Thái	Nông dân	Bản Pom Cại	Thay thế	
9	Lò Văn Ẹ	1938			Thái	Trưởng bản	Bản Huổi Sáy	Tuổi già sức yếu	Lò Văn Chơ	1957			Thái	Nông dân	Bản Huổi Sáy	Thay thế	
10	Vàng A Sùng	1979			Mông		Xà Phình I - Xã Sá Tổng	Không đúng địa chỉ và không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
11	Hồ A Châu	1961			Mông		Xà Phình I - Xã Sá Tổng	Không đúng địa chỉ và không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
VII	Xã Hừa Ngải			2								1					
1	Ly Giổng Sinh	1982			Mông	Nông dân	Bản Hát Tre B	Do sáp nhập bản									
2	Giảng Trùng Sinh	1954			Mông	Nông dân	Bản Hát Tre A	Do sáp nhập bản	Giảng Trùng Chơ	1962			Mông	Trưởng dòng họ	Bản Hát Tre	Thay thế	
VIII	Thị trấn			3								1					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Nguyễn Thị Hải		1954		Kinh	CB nghỉ hưu	Tổ dân phố 3	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
2	Hồ Thanh Xuyên	1951			Kinh		Tổ dân phố 14	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
3	Lường Thị Ính		1946		Thái		Tổ dân phố 13	không còn uy tín	Vàng Sáy Vừ	1939			Mông		TDP số 13	Thay thế	
IX	Xã Na Sang			3								3					
1	Tòng Văn Inh	1947			Thái	Nông dân	Bản Na Pheo	không còn uy tín	Mào Văn Lại	1963			Thái	Nông dân	Bản Na Pheo	Thay thế	
2	Vàng A Ly	1965			Mông	Nông dân	Bản Huổi Xuân	không còn uy tín	Sinh Sái Lính	1958			Mông	Nông dân	Bản Huổi Xuân	Thay thế	
3	Sin Văn Chinh	1968			Kháng	Nông dân	Bản Hin II	không còn uy tín	Lường Văn Kẹo	1945			Kháng	Nông dân	Bản Hin II	Thay thế	
X	Xã Mường Mươn			6								6					
1	Lò Văn Mớ	1953			Thái	Nông dân	Mường Mươn II	không còn uy tín	Lò Văn Bun	1952			Thái	Nông dân	Mường Mươn II	Thay thế	
2	Lò Văn Lốt	1952			Kho Mú	Nông dân	Huổi Vang	không còn uy tín	Lò Thị Pánh		1975		Kho mú	Nông dân	Huổi Vang	Thay thế	
3	Lò Văn Phới	1957			Kho Mú	Nông dân	Púng Giắt I	không còn uy tín	Lý Văn Lún	1957			Kho mú	Nông dân	Púng Giắt I	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
4	Mùa A Ký	1988			Mông	Nông dân	Huổi Meo	không còn uy tín	Hồ A Lừ	1968			Mông	Nông dân	Huổi Meo	Thay thế	
5	Mùa A Dế	1956			Mông	Nông dân	Pú Múa	không còn uy tín	Mùa A Vừ	1980			Mông	Nông dân	Pú Múa	Thay thế	
6	Hồ A Ly	1958			Mông	Trưởng bản	Pú Chả	không còn uy tín	Giàng A Súa	1940			Mông	Nông dân	Pú Chả	Thay thế	
D	Huyện Mường Ảng			39								15					
I	Xã Nậm Lịch			1													
1	Cà Văn Diên	1951			Thái	Già làng	Bản lịch cang	Sáp nhập bản (lịch Cang + ten Muông)									
II	Xã Mường Lạn			6								3					
1	Lò Văn Hiến	1937			Thái	Già làng	Hua Ná	Sáp nhập bản (Hua ná A+ Hua ná B)									
2	Lò Văn Ấn	1954			Thái	Trưởng dòng họ	Bản Bon	Sáp nhập bản (Bản Bon+ Co Muông)	Quảng Văn Lả	1957			Thái	TP khác	Bản Bon	Thay thế	
3	Lò Văn Sương	1948			Thái	Trưởng dòng họ	Co Muông	Sáp nhập (Co Muông+Bản Bon) (Già Yếu)									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
4	Lò Văn Thọng	1956			Thái	CB nghỉ hưu	Bản Lạn	Sáp nhập bản (Lạn A +Lạn B)									
5	Tòng Văn Thuận	1957			Thái	Trưởng dòng họ	Co Sắn	Già Yếu	Lò Văn Dọn	1942			Thái	TP khác	Co Sắn	Thay thế	
6	Tòng Văn Tại	1953			Thái	CB nghỉ hưu	Bản Nhộp	Già Yếu	Lò Văn Hà	1962			Thái	CB nghỉ hưu	Bản Nhộp	Thay thế	
III	Xã Ảng Nưa			3								2					
1	Tòng Văn Dong	1945			Thái	TP khác	Bản Na Luông	Sáp nhập bản (Na Hán +Na Luông)									
2	Lù Văn Tâm	1964			Thái	TP khác	Bản Cang	Không tín nhiệm	Lò Thị Pân		1961		Thái	Giáo viên nghỉ hưu	Bản Cang	Thay thế	
3	Lường Thị Nhoi		1948		Thái	TP khác	Bản Cù	Không tín nhiệm	Quảng Văn Tân	1957			Thái	Già làng	Bản Cù	Thay thế	
IV	Xã Mường Đăng			1													
1	Lò Văn Hương	1962			Thái	TP khác	Bản Thái	Sáp nhập bản Thái + Huổi tăng)									
V	Xã Ngòi Cáy			2								1					
1	Lò Văn Muôn	1941			Thái	Già làng	Bản Nong	Sáp nhập bản (bản Nong+ Co Cọ)									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
		(3)	(4)	(5=3+4)						(11)	(12)	(13=11+12)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2	Lò Văn Phú	1959			Thái	Già làng	Bản Sắng	Già Yếu	Tòng Văn Xuyên	1962			Thái	Trưởng dòng họ	Bản Sắng	Thay thế	
VI	Xã Búng Lao			7								4					
1	Quảng Văn Hao	1944			Thái	TP khác	Bản Búng	Sáp nhập bản (Búng 1+ Búng 2)									
2	Lò Văn Thìn	1960			Thái	TP khác	Bản Pá Tong	Không tín nhiệm	Lò Văn Hóa	1971			Thái	Trưởng thôn, bản	Bản Pá Tong	Thay thế	
3	Lường Văn Bương	1936			Thái	Cán bộ nghị hưu	Bản Lầu Cang	Sáp nhập bản (Nà lầu + Lầu Cang)									
4	Lò Văn Pánh	1947			Thái	Già làng	Bản Hồng Sọt	Không tín nhiệm	Lò Văn Tâm	1968			Thái	Trưởng thôn, bản	Bản Hồng Sọt	Thay thế	
5	Lò Văn Thang	1954			Thái	TP khác	Bản Chợ	Không tín nhiệm	Lường Văn Hương	1973			Thái	TP khác	Bản Chợ	Thay thế	
6	Lường Văn Tun	1953			Thái	TP khác	Bản Nà Dên	Không còn uy tín	Lường Văn Hồ	1960			Thái	TP khác	Bản Nà Dên	Thay thế	
7	Vũ Văn Học	1967			Thái	Già Làng	Quyết tiến 2	Không đủ điều kiện									
VII	Xã Xuân Lao			10								3					
1	Lò Văn Thiên	1962			Thái	TP khác	Bản Kéo	Sáp Nhập bản (Bản kéo + Co Hịa)									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2	Lò Văn Thanh	1960			Thái	TP khác	Bản Lao	Sáp nhập bản (Bản Lao + Chiềng lao + Chiềng Xôm)	Lò Văn Phúc	1958			Thái	Thành phần khác	Bản Lao	Thay thế	
3	Lò Văn Dạ	1946			Thái	TP khác	Chiềng Lao	Sáp nhập bản (Bản Lao + Chiềng lao + Chiềng Xôm)									
4	Lò Văn Hồng	1980			Thái	Trưởng thôn	Chiềng Xôm	Sáp nhập bản (Bản Lao + Chiềng lao + Chiềng Xôm)									
5	Cà Văn An	1954			Thái	TP khác	Bản Pháy	Sáp nhập bản(Bản Pháy + Pá Uối)									
6	Lò Văn Tiếng	1949			Thái	TP khác	Bản Xuân Lúa	Sáp nhập bản(Bản Khén + Xuân Lúa)	Lường Văn Khứ	1965			Thái	Già Làng	Bản Khén	Thay thế	
7	Lò Văn Hít	1956			Thái	TP khác	Bản Khén	Sáp nhập bản(Bản Khén + Xuân Lúa)									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
		(3)	(4)	(5=3 +4)						(11)	(12)	(13=11 +12)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
8	Lầu A Hà	1975			Mông	Thành phần khác	Bản Thảm Châu	Sáp nhập bản(Chùa Sầu+Thảm Châu)									
9	Lò Văn Bường	1933			Thái	Già làng	Bản Co Hón	Già yếu	Lò Văn Linh	1958			Thái	Già Làng	Bản Co Hón	Thay thế	
10	Lò Văn Thương	1978			Thái	Già làng	Bản Xuân Món	Không có tên, bản trong địa bản xã									
VIII	Xã Ảng Cang			5								2					
1	Tòng Văn Nhói	1956			Thái	TP khác	Bản Cói	Sáp nhập (bản bánh + Bản Cói)									
2	Lò Văn Hồng	1959			Thái	Trưởng thôn , bản	Bản Hón	Sáp nhập (bản Hón +bản Sáng)									
3	Lò Văn Ngược	1949			Thái	TP khác	Huổi Sứa	Sáp nhập (bản Huổi Sứa + Huổi sứa Cuông)	Lù Văn Nụi	1960			Thái	TP khác	Huổi Sứa	Thay thế	
4	Lù Văn Ánh	1945			Thái	TP khác	Huổi Sứa Cuông	Sáp nhập (bản Huổi Sứa + Huổi sứa Cuông)									
5	Quảng Văn Bạt	1957			Thái	TP khác	Bản giảng	Sức khoẻ yếu	Quảng Văn Hương	1975			Thái	TP khác	Bản Giảng	Thay thế	
IX	Xã Ảng Tở			4													

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
		(3)	(4)	(5=3 +4)						(11)	(12)	(13=11 +12)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Lường Văn Muôn	1944			Thái	CB nghi hưu	Bản Co Có	Vi phạm pháp luật									
2	Lý A Gấu	1980			Mông	TP khác	Bản Thổ Lộ	Tự nguyện rút khỏi danh sách									
3	Vàng A Lữ	1980			Mông	TP khác	Bản Huổi Háo	Tự nguyện rút khỏi danh sách									
4	Lý A Khay	1976			Mông	TP khác	Bản Pú Tiu	Không tín nhiệm									
E	Huyện Mường Nhé			17								11					
I	Xã Chung Chải			5								3					
1	Giàng A Thứ	1986			Mông	Dân	Bản Xi Ma 2	Không tín nhiệm	Giàng Hồng Sinh	1977			Mông	Dân	Bản Xi Ma 2	Thay thế	
2	Giàng Chông Đế	1972			Mông	Dân	Bản Pá Lùng	Không tín nhiệm	Sùng Gà Đế	1974			Mông	Dân	Bản Pá Lùng	Thay thế	
3	Sùng Dưng Dia	1952			Mông	Dân	Bản Nậm Vị	Già yếu	Chang A Dia	1975			Mông	Dân	Bản Nậm Vị	Thay thế	
4	Lý Phu Lòng	1978			Hà Nhi	Già làng	Bản Cây Muối	Do sáp nhập bản									
5	Lầu A Cửa	1957			Mông	Già làng	Hua Sim 1	Do sáp nhập bản									
II	Xã Mường Nhé			1								2					
1	Trịnh Xuân Phùng	1953			Kinh	hưu trí	Tổ Dân cư số 1	Cư trú ở tổ dân cư số 1	Lê Nguyên Nam	1982			Kinh	Dân	Tổ Dân cư số 2	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2									Hạng A Thảo	1979			Mông	Dân	Bản Tân Phong	Bầu mới	
III	Xã Pá Mý			1								1					
1	Đặng Văn Siêu	1970			Dao	Dân	Bản Huổi Lích 2	Không tín nhiệm	Vàng Thông Mệnh	1971			Dao	Dân	Bản Huổi Lích 2	Thay thế	
IV	Xã Quảng Lâm			1								1					
1	Thào A Phùa	1950			Mông	Dân	Bản Sái Lương	Sức khỏe yếu	Thào A Câu	1979			Mông	Dân	Bản Sái Lương	Thay thế	
V	Xã Nậm Kè			2								1					
1	Thào A Kỳ	1972			Mông	Dân	Huổi Khon II	Không tín nhiệm	Thào A Da	1979			Mông	Dân	Huổi Khon II	Thay thế	
2	Thào A Chinh	1979			Mông	Dân	Nậm Kè 2	Không tín nhiệm									
VI	Leng Su Sìn			3								3					
1	Lý Kim Thành	1962			Hà Nhì	Dân	Leng Su Sìn	Không tín nhiệm	Sùng Sùng Giá	1974			Hà Nhì	Dân	Leng Su Sìn	Thay thế	
2	Sì Xé Tư	1965			Mông	Dân	Bản Phứ Ma	Không tín nhiệm	Sùng Go Lòng	1965			Mông	Dân	Bản Phứ Ma	Thay thế	
3	Vàng Sênh Lòng	1974			Mông	Dân	Bản Cà Là Pá 1	Không tín nhiệm	Hà Giống Chá	1976			Mông	Dân	Bản Cà Là Pá 1	Thay thế	
VII	Xã Mường Toong			4													

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Giàng A Cu	1965			Mông	Trưởng bản	Mường Toong 10	Do sáp nhập bản									
2	Lý A Thào	1985			Mông	Già làng	Nậm Pan 1	Do sáp nhập bản									
3	Và Sô Tủa	1947			Mông	Già làng	Mường Toong 5	Do sáp nhập bản									
4	Vừ Giống Vàng	1975			Mông	Già làng	Mường Toong 8	Do sáp nhập bản									
F	Huyện Tủa Chùa			49								25					
I	Xã Mường Báng			18								3					
1	Quảng Văn Giót	1935			Thái	Khác	Nà Áng	Già yếu	Lò Văn Hom	1950			Thái	Khác	Nà Áng	Thay thế	
2	Hờ A Xà	1930			Mông	Khác	Kẻ cái	Chết	Giàng A Chùa	1973			Mông	Bí thư CB	Kẻ cái	Thay thế	
3	Sùng A Chớ	1978			Mông	Khác	Háng Trờ 2	Sáp nhập bản									
4	Cháng A Giàng	1979			Mông	Khác	Huổi Lực 1	Sáp nhập bản									
5	Sùng A Sừ	1948			Mông	Già làng	Háng Tơ Mang 2	Sáp nhập bản	Chang A Lử	1971			Mông	Khác	Háng Tơ Mang	Thay thế	Tên bản mới
6	Giàng A Thào	1971			Mông	Khác	Háng Tơ Mang 1	Sáp nhập bản									
7	Lò Văn Thiêu	1931			Thái	Già làng	Đội 3	Sáp nhập bản									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
8	Lò Văn Phiêng	1947			Thái	Khác	Bản Sắng	Sáp nhập bản									
9	Điêu Chính Sảo	1932			Thái	Khác	Bản Ến	Sáp nhập bản									
10	Tòng Văn Nịn	1945			Thái		Đội 4	Sáp nhập									
11	Giàng A Thào	1948			Mông		Đông Phi 2	Sáp nhập									
12	Điêu Chính Giêng	1947			Thái		Đội 1	Sáp nhập									
13	Điêu Chính Dòm	1955			Thái		Đội 7	Sáp nhập									
14	Lò Văn Nguyên	1954			Thái		Đội 2	Sáp nhập									
15	Lò Văn Hao	1954			Thái		Đội 8	Sáp nhập									
16	Giàng A Sừ	1942			Mông		Huổi Léch	Sáp nhập									
17	Lò Văn Quyển	1945			Thái		Huổi Lục 2	Sáp nhập									
18	Tòng Văn Thu	1942			Thái		Bản Ten	Sáp nhập									
II	Xã Tủa Thàng			3								2					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
		(3)	(4)	(5=3 +4)						(11)	(12)	(13=11 +12)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Mùa A Chu	1945			Mông	Già làng	Tà Huổi Tráng 1	Có đơn xin rút khỏi danh sách người có uy tín	Thào Chờ Giăng	1943			Mông	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Tà Huổi Tráng 1	Thay thế	
2	Hờ A Câu	1935			Mông	Già làng	Đề Chu		Thào A Chù	1959			Mông	Người sản xuất kinh doanh giỏi	Đề Chu	Thay thế	
3	Giăng A Chu	1960			Mông	Cán bộ nghỉ hưu	Làng Vùa 1	Sáp nhập bản									
III	Thị Trấn			2								10					
1	Sùng A Làng	1959			Mông	Khác	Khu Đoàn Kết	Có đơn xin rút khỏi danh sách người có uy tín									
2	Lò Thị Nôm		1960		Thái	Khác	Khu Thắng Lợi										
3									Tòng Văn Nịn	1945			Thái	Già làng	Bản Sắng	Bổ sung	Tên bản mới
4									Giăng A Thào	1948			Mông	Khác	Đông Phi 2	Bổ sung	Tên bản mới

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
		(3)	(4)	(5=3 +4)						(11)	(12)	(13=11 +12)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
5									Điêu Chính Giêng	1947			Thái	Trưởng dòng họ, tộc	Bản Báng	Bổ sung	Tên bản mới
6									Điêu Chính Đom	1955			Thái	Khác	Bản Tân Phong	Bổ sung	Tên bản mới
7									Lò Văn Nguyên	1954			Thái	Già làng	Bản Bó Én	Bổ sung	Tên bản mới
8									Lò Văn Hao	1954			Thái	Già làng	Bản Bó	Bổ sung	Tên bản mới
9									Giàng A Sừ	1942			Mông	Già làng	Huổi Léch	Bổ sung	
10									Lò Văn Quyến	1945			Thái	Già làng	Huổi Lực	Bổ sung	Tên bản mới
11									Tòng Văn Thu	1942			Thái	Khác	Bản Ten	Bổ sung	
12									Tòng Văn Vải	1957			Thái	Khác	Nong ten	Bổ sung	Tên bản mới

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
IV	Sín Chải			2													
1	Vàng A Páo	1948			Mông	Khác	Bản Làng Giang	Có đơn xin rút khỏi danh sách người có uy tín									
2	Sùng A Chù	1960			Mông	Trưởng bản	Sín Chải	Sáp nhập bản									
V	Trung Thu			2								1					
1	Giàng A Trò	1958			Mông	Cán bộ nghỉ hưu	Phình Hồ Ke	Sáp nhập bản	Sùng A Kỳ	1972			Mông	Khác	Thôn Đề Can Hồ	Thay thế	
2	Giàng A Phổng	1964			Mông	Khác	Mô Lô Tổng	Sáp nhập bản									
VI	Xã Tả Sìn Thàng			1													
1	Chang A Súa	1962			Mông	Trưởng bản	Là Sảng 2	Sáp nhập bản									
VII	Xã Mường Đun			1													
1	Sùng A Tùng	1949			Mông	Khác	Đề Tâu	Sáp nhập bản									
VIII	Xã Xá Nhè			4								1					
1	Mùa Bùa Chờ	1966			Mông	Khác	Bản Hẹ1	Sáp nhập bản									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2	Giàng A Chinh	1974			Mông	Khác	Sông A 2	Sáp nhập bản	Giàng Súa Lồng	1970			Mông	Khác	Sông A	Thay thế	
3	Vàng Dững Khua	1976			Mông	Trưởng dòng họ	Sông A 1	Sáp nhập bản									
4	Vàng Sính Trừ	1956			Mông	Khác	Pàng Nhang	Sáp nhập bản									
IX	Xã Sính Phình			8								3					
1	Giàng A Chu	1976			Mông	Khác	Phi Dinh 2	Sáp nhập bản									
2	Cứ A Sừ	1961			Mông	Trưởng bản	Đê Dàng 2	Sáp nhập bản									
3	Giàng A Làng	1959			Mông	Khác	Háng Đề Đề 1	Sáp nhập bản									
4	Vì A Tở	1954			Mông	Già làng	Thôn 1	Sáp nhập bản									
5	Cứ A Đề	1951			Mông	Già làng	Vàng Chua	Có đơn xin rút khỏi danh sách người có uy tín	Cứ A Lồng	1964			Mông	Già làng	Vàng Chua	Thay thế	
6	Thào A Nữ	1947			Mông	Già làng	Đề Đê Hu 2	Có đơn xin rút khỏi danh sách người có uy tín	Sùng A Chù	1961			Mông	Già làng	Đề Đê Hu 2	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
7	Sinh A Chù	1968			Mông	Khác	Đề Hải	Sáp nhập bản									
8	Giàng A Sính	1968			Mông	Trưởng bản	Thôn 4	Có đơn xin rút khỏi danh sách người có uy tín	Lù A Sính	1960			Mông	Già làng	Thôn IV	Thay thế	
X	Xã Huổi Sớ			3								1					
1	Vừ Cháy Phổng	1954			Mông	Khác	Hồng Ngải	Sáp nhập bản	Giàng A Hờ	1981			Mông	Khác	Hồng Ngải	Thay thế	Tên bản mới
2	Giàng A Lầu	1959			Mông	Khác	Huổi Ca	Sáp nhập bản									
3	Chang A Cẩu	1961			Dao	Khác	Căn Hồ	Sáp nhập bản									
XI	Xã Tả Phìn			5								4					
1	Mùa Chứ Mãng	1940			Mông	Khác	Tả Phìn 1	Sáp nhập bản	Mùa A Lua	1964			Mông	Khác	Tả Phìn	Thay thế	Tên bản mới
2	Chang A Tùng	1958			Mông	Khác	Tả Phìn 2	Sáp nhập bản									
3	Thào A Páo	1940			Mông	Khác	Séo Phình	Gia yếu	Sùng A Giàng	1966			Mông	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Séo Phình	Thay thế	
4	Ly A Nù	1952			Mông	Khác	Cù Di Sang	Gia yếu	Giàng A Tính	1973			Mông	Khác	Cù Di Sang	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
		(3)	(4)	(5=3+4)						(11)	(12)	(13=11+12)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
5	Giàng A Dinh	1967			Mông	Khác	Tào Cu Nhe	Cơ quan xin rút khỏi danh sách người có uy tín	Thào A Kỳ	1960			Mông	Gia làng	Tào Cu Nhe	Thay thế	
G	Huyện Tuần Giáo			100								39					
I	Xã Chiềng Sinh			8								3					
1	Nguyễn Duy Nhật	1954			Kinh	Trưởng thôn, bản và tương đương	Bản Chiềng An	Sáp nhập bản									
2	Tòng Văn Xuân	1956			Thái	CB hưu	Bản Pa Sát	Sáp nhập bản									
3	Lò Văn Nhân	1959			Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Che Phai III	Sáp nhập bản									
4	Quảng Văn Inh	1947			Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Bánh	Sáp nhập bản									
5	Lường Văn Chương	1960			Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Hiệu I	Sáp nhập bản	Lường Văn Minh	1967			Thái	Thành phần khác	Bản hiệu	Thay thế	Tên bản mới
6	Lường Văn Minh	1967			Thái	Thành phần khác	Bản Hiệu II	Sáp nhập bản									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
7	Lò Văn Thích	1945			Thái	Thành phần khác	Bản Kép	Ôm yếu	Cà Văn Nhúc	1957			Thái	CB hưu	Bản Kép	Thay thế	
8	Lò Văn Chiêng	1956			Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Dừn	Ôm yếu	Lò Văn Chinh	1980			Thái	Thành phần khác	Bản Dừn	Thay thế	
II	Xã Quài Nưa			14								5					
1	Lò Văn Chinh	1966			Thái	Thành phần khác	Bản Cù 1	Sáp nhập bản	Lò Văn Chinh	1966			Thái	Thành phần khác	Bản Cù	Bổ sung	Tên bản mới
2	Quàng Văn Tú	1952			Thái	Thành phần khác	Bản Cù 2	Sáp nhập bản									
3	Lường Văn Lai	1964			Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Lọng Hồng	Sáp nhập bản									
4	Lường Văn Hốc	1957			Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Lọng Lưom	Sáp nhập bản									
5	Trần Văn Bình	1954			Kinh	Trưởng thôn và tương đương	Bản Quang Vinh	Sáp nhập bản									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
		(3)	(4)	(5=3 +4)						(11)	(12)	(13=11 +12)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
6	Lường Văn Định	1962			Thái	Thành phần khác	Bản Thảm	Sáp nhập bản									
7	Lò Văn Toán	1962			Thái	Thành phần khác	Bản Co Muông	Sáp nhập bản	Lò Thị Vân		1960		Thái	Thành phần khác	Bản Pha Năng	Thay thế	Tên bản mới
8	Lò Thị Vân		1960		Thái	Thành phần khác	Bản Co Sáng	Sáp nhập bản									
9	Lò Văn Ngoai	1973			Thái	Thành phần khác	Bản Nong Giáng	Sáp nhập bản	Lò Văn Chơ	1963			Thái	Thành phần khác	Bản Bó Giáng	Thay thế	Tên bản mới
10	Lò Văn Chơ	1963			Thái	Thành phần khác	Bản Bó	Sáp nhập bản									
11	Quảng Văn Thanh	1964			Thái	Thành phần khác	Bản Lọng Trạng	Sáp nhập bản									
12	Lường Văn Lương	1970			Thái	Thành phần khác	Bản Mường Chăn	Sáp nhập bản									
13	Lường Văn Kiến	1962			Thái	Thành phần khác	Bản Chăn	Sáp nhập bản	Lường Văn Lương	1970			Thái	Thành phần khác	Bản Chăn	Thay thế	
14	Lường Hồng Long	1955			Thái	CB hưu	Bản Cọ	Già yếu	Lường Văn Thịn	1969			Thái	Thành phần khác	Bản Cọ	thay thế	
III	Xã Mường Mùn			11								5					
1	Cà Văn Kính	1956			Thái	Thành phần khác	Bản Mường 2	Sáp nhập bản	Lành Thị Hạnh		1972		Thái	Thành phần khác	Bản Mường 2	thay thế	
2	Lành Thị Hạnh		1972		Thái	Thành phần khác	Bản Mường 3										

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
3	Quảng Thị Nết		1976		Thái	Thành phần khác	Bản Mường 4	Sáp nhập bản									
4	Lò Văn Khảm	1951			Khơ Mú	CB hưu	Huổi Lót 1	Sáp nhập bản	Lò Văn Lún	1951			Khơ Mú	Thành phần khác	Bản Huổi Lót	Thay thế	Tên bản mới
5	Lò Văn Lún	1951			Khơ Mú	Thành phần khác	Bản Huổi Lót 2	Sáp nhập bản									
6	Lò Văn Quyền	1989			Khơ Mú	Trưởng thôn và tương đương	Bản Co Nghị	Sáp nhập bản									
7	Đoàn Văn Biên	1965			Kinh	Trưởng thôn và tương đương	Bản Hồng Phong	Sáp nhập bản									
8	Quảng Văn Khay	1949			Thái	Thành phần khác	Bản Hòm	Sáp nhập bản	Quảng Văn Khay	1949			Thái	Thành phần khác	Bản Hòm Hóc	thay thế	Tên bản mới
9	Quảng Thị Thiêu		1967		Thái	Thành phần khác	Bản Hóc	Sáp nhập bản									
10	Nùng Văn Dón	1958			Thái	Thành phần khác	Bản Nà Chua	Không được tín nhiệm	Quảng Văn Lượng	1962			Thái	Thành phần khác	Bản Nà Chua	thay thế	
11	Lò Văn Thoan	1958			Thái	Thành phần khác	Bản Ta Pao	Không được tín nhiệm	Quảng Văn Tản	1959			Thái	CB hưu	Bản Ta Pao	thay thế	
IV	Xã Pú Xi			1								1					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
		(3)	(4)	(5=3 +4)						(11)	(12)	(13=11 +12)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Lý Văn May	1969			Khơ Mú	Tộc trưởng	Hua Mực 3	Không đủ điều kiện	Quảng Văn Hặc	1973			Khơ Mú	Thành phần khác	Hua Mực 3	Thay thế	
V	Xã Quài Cang			16								5					
1	Quảng Văn Ôn	1951			Thái	Thành phần khác	Bản Đoàn Kết	Sáp nhập bản									
2	Lò Văn Thanh	1973			Thái	Thành phần khác	Bản Nát	Sáp nhập bản	Lò Văn Trường	1965			Thái	Thành phần khác	Bản Nát	Thay thế	
3	Lò Văn Trường	1965			Thái	Thành phần khác	Bản Côm	Sáp nhập bản									
4	Lò Văn Yên	1932			Thái	Thành phần khác	Bản Cườm	Sáp nhập bản									
5	Lò Văn Chức	1945			Thái	Thành phần khác	Bản Mu	Sáp nhập bản									
6	Lò Văn Chung	1960			Thái	Thành phần khác	Bản Cuông	Sáp nhập bản	Cà Văn Sam	1949			Thái	Thành phần khác	Bản Cuông	Thay thế	
7	Lò Văn Hiệp	1962			Thái	Thành phần khác	Bản Cán	Sáp nhập bản									
8	Lường Văn Pánh	1942			Thái	Thành phần khác	Bản Kệt	Sáp nhập bản	Lò Văn Hiệp	1962			Thái	Thành phần khác	Bản Kệt	Thay thế	
9	Lường Văn Lả	1950			Thái	Thành phần khác	Bản Chạng	Sáp nhập bản									
10	Lò Văn Doan	1954			Thái	Thành phần khác	Bản Cón	Sáp nhập bản									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
11	Lò Văn Côn	1944			Thái	Thành phần khác	Bản Hìn	Sáp nhập bản									
12	Quảng Thị Áng		1958		Thái	Thành phần khác	Bản Cong	Sáp nhập bản									
13	Lò Văn Ninh	1938			Thái	Thành phần khác	Bản Sáo	Sáp nhập bản	Lò Văn Hoàn	1974			Thái	Thành phần khác	Bản Sáo	Thay thế	
14	Tòng Văn Thợi	1965			Thái	Thành phần khác	Bản Cẩm	Sáp nhập bản									
15	Tòng Văn Chính	1945			Thái	Thành phần khác	Bản Phụng	Sáp nhập bản	Lường Văn Huân	1952			Thái	Thành phần khác	Bản Phụng	Thay thế	
16	Lường Văn Huân	1952			Thái	Thành phần khác	Bản Hán	Sáp nhập bản									
VI	Xã Pú Nhung			4								2					
1	Vừ Chử Sùng	1959			Mông	Trưởng dòng họ/Tộc trưởng	Bản Phiêng Pi A	Sáp nhập bản	Vừ Súa Sênh	1964			Mông	Thành phần khác	Bản Phiêng Pi	Thay thế	Tên bản mới
2	Sùng Gà Lầu	1963			Mông	Thành phần khác	Bản Phiêng Pi B	Sáp nhập bản									
3	Vừ Dững Khá	1968			Mông	Thành phần khác	Bản Đề Chia C	Sáp nhập bản									
4	Lầu Súa Tòng	1962			Mông	Thành phần khác	Bản Đề Chia B	Sáp nhập bản	Vừ Dững Khá	1968			Mông	Thành phần khác	Bản Đề Chia B	Thay thế	
VII	Xã Quài Tở			15								7					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
		(3)	(4)	(5=3+4)						(11)	(12)	(13=11+12)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Quảng Văn Hoan	1970			Thái	Thành phần khác	Bản Ngúa Trong	Sáp nhập bản	Lường Văn Việt	1968			Thái	CB hưu	Bản Ngúa Trong	Thay thế	Tên bản mới
2	Quảng Văn Tương	1954			Thái	Trưởng dòng họ/Tộc	Bản Ngúa Ngoài	Sáp nhập bản									
3	Lò Văn Xuân	1957			Thái	Thành phần khác	Bản Món	Sáp nhập bản	Lò Thị Puồn		1966		Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Món	Thay thế	
4	Lò Thị Puồn		1966		Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Nà Hốc	Sáp nhập bản									
5	Lường Văn Đoàn	1966			Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Co Hón	Sáp nhập bản									
6	Lò Văn Sáng	1956			Thái	Thành phần khác	Bản Lé	Sáp nhập bản	Lò Văn Phan	1943			Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Lé Xôm	Thay thế	Tên bản mới
7	Lò Văn Phan	1943			Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Xôm	Sáp nhập bản									
8	Lò Văn Lả	1939			Thái	Già làng	Bản Sắn	Sáp nhập bản	Cà Văn Thiện	1982			Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Bắ Sắn	Thay thế	Tên bản mới
9	Cà Văn Thiện	1982			Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Bắ Sắn	Sáp nhập bản									
10	Cà Văn Sặng	1954			Thái	Thành phần khác	Bản Ban	Sáp nhập bản	Quảng Văn	1955			Thái	Thành	Bản Bông	Thay thế	Tên bản mới

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
		(3)	(4)	(5=3 +4)						(11)	(12)	(13=11 +12)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
11	Cà Văn Kinh	1947			Thái	CB hưu	Bản Bông	Sáp nhập bản	Hặc	1955			Thái	phần khác	Bản	Thay thế	Bản mới
12	Quảng Văn Thuồng	1958			Thái	Thành phần khác	Bản Én	Sáp nhập bản	Quảng Văn Khính	1965			Thái	Thành phần khác	Bản Én Pậu	Thay thế	Tên bản mới
13	Quảng Văn Khính	1965			Thái	Thành phần khác	Bản Pậu	Sáp nhập bản									
14	Lò Văn Toàn	1979			Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Hới nọ I	Sáp nhập bản	Lò Văn Toàn	1979			Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Hới Nọ	Thay thế	Tên bản mới
15	Tòng Văn Long	1955			Thái	Trưởng thôn và tương đương	Bản Hới Nọ II	Sáp nhập bản									
VIII	Xã Mường Khong			4								2					
1	Lò Văn Cương	1965			Thái	Già làng	Bản Pom Khoang	Sáp nhập bản									
2	Lường Văn Đoàn	1969			Thái	Thành phần khác	Bản Co Đứa	Sáp nhập bản	Quảng Văn Hoài	1969			Thái	Thành phần khác	Co Đứa	Thay thế	
3	Lường Văn Lướm	1963			Thái	Già làng	Bản Phai Cộng	Sáp nhập bản									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
		(3)	(4)	(5=3+4)						(11)	(12)	(13=11+12)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
4	Ly A Chá	1963			Mông	Già làng	Huổi Nôm	Không đủ tiêu chuẩn theo Khoản 3, Điều 4, Quyết định 12/QĐ-TTg	Ly A Phà	1968			Mông	Già làng	Bản Huổi Nôm	Thay thế	
IX	Xã Mùn Chung			4								2					
1	Ly Nhè Chá	1976			Mông	Thành phần khác	Bản Hú Cang	Sáp nhập bản									
2	Lò Văn Thương	1978			Thái	Thành phần khác	Bản Co En	Sáp nhập bản	Mùa Vả Co	1966			Mông	Thành phần khác	Bản Co En	Thay thế	
3	Lò Văn La	1985			Thái	Thành phần khác	Bản Phiêng Pên	Sáp nhập bản	Lò Thị Bang		1959		Thái	Thành phần khác	Bản Phiêng Pên	Thay thế	
4	Lò Thị Bang		1959		Thái	Thành phần khác	Bản Co Kham	Sáp nhập bản									
X	Xã Mường Thín			6								3					
1	Lò Văn Tún	1971			Thái	Già làng	Bản Hốc	Sáp nhập bản	Lò Văn Phúc	1957			Thái	Già làng	Bản Hốc Chứn	Thay thế	Tên bản mới
2	Lò Văn Phúc	1957			Thái	Già làng	Bản Chứn	Sáp nhập bản									
3	Lò Văn Túng	1966			Thái	Thành phần khác	Khai Hoang	Sáp nhập bản									
4	Lò Văn Sương	1939			Thái	CB hưu	Bản Muông	Sáp nhập bản	Lò Văn Túng	1966			Thái	Già làng	Bản Muông	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
5	Giàng A Lả	1933			Mông	Già làng	Bản Liếng	Sáp nhập bản	Mùa Khua Chay	1962			Mông	Trưởng dòng họ/Tộc trưởng	Đông Liếng	Thay thế	Tên bản mới
6	Mùa Khua Chay	1962			Mông	Trưởng dòng họ/Tộc trưởng	Đông Cao	Sáp nhập bản									
XI	Thị trấn Tuần Giáo			5								1					
1	Lò Văn Piếng	1949			Thái	Già làng	Bản Tấu	Sáp nhập bản	Lò Văn Minh	1953			Thái	CB hưu	Bản Nong Tấu	Thay thế	Tên bản mới
2	Lò Văn Minh	1953			Thái	CB hưu	Bản Nong	Sáp nhập bản									
3	Bạc Cầm Bích	1960			Thái	Già làng	Bản Chiềng An	Sáp nhập bản									
4	Lò Văn Tươi	1957			Thái	Thành phần khác	Khối Huổi Hạ	Sáp nhập bản									
5	Quảng Văn Tắng	1950			Thái	CB hưu	Khối Trường Xuân	Không đủ tiêu chuẩn theo Khoản 3, Điều 4, Quyết định 12/QĐ-TTg									
XII	Xã Chiềng Đông			5								2					
1	Lò Văn Phan	1945			Thái	CB hưu	Bản Cộng I	Sáp nhập bản	Lò Văn Phan	1945			Thái	CB hưu	Bản Cộng	Thay thế	Tên bản

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
		(3)	(4)	(5=3 +4)						(11)	(12)	(13=11 +12)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2	Lò Văn Lê	1947			Thái	CB hưu	Bản Cộng II	Sáp nhập bản	Lò Văn Lê	1947			Thái	CB hưu	Bản Cộng	Thay thế	Bản mới
3	Lò Văn Thông	1947			Thái	CB hưu	Bản Pom Sinh	Sáp nhập bản	Lò Văn Sương	1924			Thái	Trưởng đồng họ/Tộc trưởng	Bản Vánh I	Thay thế	Tên bản mới
4	Lò Văn Sương	1924			Thái	Trưởng đồng họ/Tộc trưởng	Bản Pú Biếng	Sáp nhập bản									
5	Cà Văn Ưng	1961			Thái	Trưởng thôn và trưởng đương	Bản Bình Minh	Sáp nhập bản									
XIII	Xã Nà Sáy			3								1					
1	Lò Văn Hịa	1947			Thái	Già làng	Nà Sáy 3	Sáp nhập bản	Lường Văn Chung	1957			Thái	Già làng	Bản Hà	Thay thế	Tên bản mới
2	Lường Văn Chung	1957			Thái	Già làng	Co Hà	Sáp nhập bản									
3	Lò Văn Thuận	1986			Thái	Trưởng thôn và trưởng đương	Ta Láo	Sáp nhập bản									
XIV	Xã Nà Tông			1													
	Lò Văn Phòng	1962			Thái	Già làng	Bản Pá Cá	Sáp nhập bản									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)					(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)					
XV	Xã Rạng Đông			1													
	Lường Văn Trực	1964			Kháng	Trưởng thôn và tương đương	Bản Món	Sáp nhập bản									
XVI	Xã Ta Ma			2													
	Giàng Vàng Tủa	1949			Mông	Trưởng dòng họ/Tộc trưởng	Bản Phiêng Cải	Sáp nhập bản									
	Giàng Tráng Dế	1952			Mông	Trưởng dòng họ/Tộc trưởng	Bản Phiêng Vang	Sáp nhập bản									
H	Huyện Điện Biên			97								33					
I	Xã Mường Pồn			2								1					
1	Lò Văn Lả	1952			Thái	Già làng	Bản Lĩnh 2	Sáp nhập bản									
2	Chá A Co	1972			Mông	Già làng	Bản Huổi Un	Mất uy tín	Lầu A Tú	1968			Mông	Già làng	Huổi Un	Thay thế	
II	Xã Hua Thanh			1								1					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Quảng Văn Pâng	1946			Thái	CB hưu	Đội 6 Bản Tầu	Sức khỏe yếu	Lò Văn Nhói	1953			Thái	CB hưu	Đội 6	Thay thế	
III	Xa Thanh Nua			5								1					
1	Lò Thị Thông	1951			Thái	CBNH	Bản Mền	Sáp nhập bản									
2	Cà Văn Nhói	1956			Thái	TP khác	Nà Lôm	Sáp nhập bản									
3	Cà Văn Máng	1959			Thái	Trưởng đồng họ	Co Ké	Sáp nhập bản									
4	Lò Ngọc Thích	1954			Thái	TP khác	Bản Hạ	Sáp nhập bản	Tòng Văn Ninh	1965			Thái	Già làng	Bản Hạ	Thay thế	
5	Vừ A Cở	1935			Mông	Già làng	Xá Nhù	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
IV	Xã Thanh Lương			13								2					
1	Tòng Văn Sơn	1959			Thái	TP khác	Đội 6B	Sáp nhập bản									
2	Quảng Thị Biên		1973		Thái	TP khác	Đội 7	Sáp nhập bản									
3	Lò Văn Hặc	1925			Thái	TP khác	Đội 8A	Sáp nhập bản									
4	Lò Văn Nam	1978			Thái	TP khác	Đội 8C	Sáp nhập bản									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
5	Lò Văn Xuân	1964			Thái	TP khác	Đội 8D	Sáp nhập bản									
6	Lò Văn Phương	1962			Thái	TP khác	Đội 9B	Sáp nhập bản									
7	Tòng Văn Hặc	1938			Thái	TP khác	Đội 10A	Sáp nhập bản									
8	Lò Văn Giộn	1938			Thái	TP khác	Đội 12A	Sáp nhập bản									
9	Lò Văn Ôn	1946			Thái	TP khác	Đội 12B	Sáp nhập bản									
10	Lò Văn Hoa	1956			Thái	TP khác	Đội 15B	Sáp nhập bản									
11	Lường Văn Dinh	1954			Kho Mú	TP khác	Bản Hua Pe	Đã từ trần	Lường Văn Dọn	1952			Thái	Già làng	Bản Hua Pe	Thay thế	
									Lường Văn Liên	1962			Thái	Người sx giỏi	Bản Pe Luông	Bổ sung	
12	Lò Văn Chưa	1930			Thái	Già làng	Bản Nọng	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
13	Quảng Văn Âm	1932			Thái	Già làng	Đội 6	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)					(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
V	Xã Thanh Hưng			6													
1	Quàng Văn Hoàn	1959			Thái	TP khác	Hồng Lếch Cuông	Sáp nhập thôn bản									
2	Lò Văn Thận	1965			Thái	Già làng	Đội 18	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
3	Lường Văn Phúc	1971			Thái	Già làng	Đội 10	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
4	Lường Văn Tọ	1968			Thái	TP khác	Đội 8	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
5	Lò Văn Toàn	1959			Thái	TP khác	Đội 14	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
6	Quảng Văn Sương	1963			Thái	TP khác	Đội 16	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
VI	Xã Thanh Chăn			3								2					
1	Hoàng Văn Thắng	1965			Nùng	TP khác	Đội 3	Già yếu	Bế Văn Khôi	1950			Nùng	CBNH	Đội 3	Thay thế	
2	Lường Văn Long	1949			Nùng	TP khác	Đội 17	Già yếu	Mã Văn Ngọc	1960			Nùng	CBNH	Đội 17	Thay thế	
3	Quảng Văn Tuấn	1952			Thái	CBNH	Đội 18a	Đã từ trần									
VII	Xã Thanh Yên			4													
1	Lò Văn Pán	1950			Thái	CBNH	Noong Vai	Sáp nhập bản									
2	Lường Văn Chưa	1962			Thái	TP khác	Chiềng Tông	Sáp nhập bản									
3	Lường Văn Kiêm	1968			Thái	TP khác	Đội 8A	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
4	Nông Phi Hùng	1958			Tày	TP khác	Đội C2	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
VIII	Xã Noong Luổng			7								3					
1	Lò Văn Tiên	1965			Thái	Trưởng bản	Có Nôm	Do sáp nhập									
2	Quảng Văn Sam	1957			Thái	Trưởng bản	Huổi Sen	Do sáp nhập									
3	Lò Văn Giọng	1957			Thái	CBNH	Bản Na Men	Do sáp nhập									
4	Quảng Văn La	1949			Thái	CBNH	Bản Co Luổng	Do sáp nhập									
5	Cà Văn Hiền	1961			Thái	Trưởng bản	Đội 21	Do sáp nhập									
6	Lò Văn Sương	1945			Thái	CBNH	Bản Lún	Do sáp nhập									
									Quảng Thị Kim			1967		Thái	Trưởng bản	Bản Nôm	Thay thế
									Quảng Văn Anh	1972				Thái	Trưởng bản	Bản Huổi Phúc	Thay thế
									Tòng Văn Muôn	1958				Thái	Trưởng bản	Bản On	Thay thế
7	Lò Văn Hoa	1960			Thái	TP khác	Bản Nôm	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
IX	Xã Pa Thơm			5								4					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Lường Văn Thương	1954			Kho Mú	Trưởng dòng họ	Bản Xa Cuông	Già yếu	Lường Văn Nguyên	1979			Kho mú	Trưởng bản	Xa Cuông	Thay thế	
2	Lò Văn Liên	1950			Lào	Già làng	Bản Pa Xa Lào	Già yếu	Lò Văn Pan	1963			Lào	Già làng	Pa Xa Lào	Thay thế	
3	Nạ Văn Phanh	1956			Cống	Già làng	Bản Si Văn	Sáp nhập bản									
4	Quàng Văn Nó	1960			Cống	Già làng	Bản Púng Bon	Già yếu	Quàng Văn Khắt	1966			Cống	Già làng	Púng Bon	Thay thế	
5	Lò Văn Phôm	1978			Lào	Già làng	Bản Pa Thom	Ôm đau	Lò Văn Hặc	1960			Lào	Già làng	Pa Thom	Thay thế	
X	Xã Pom Lót			7								4					
1	Lò Văn Hòa	1967			Thái	Trưởng bản	Bản Pá Nặm	Mất uy tín	Cà Văn Toán	1980			Thái	Già làng	Bản Pá Nặm	Thay thế	
2	Lò Văn Giam	1955			Thái	TP khác	Bản Pom Lót	Do sáp nhập									
3	Lò Thị Xích		1945		Thái	TP khác	Bản Na Hai 1	Do sáp nhập và bầu mới	Quàng Văn Thắng	1985			Thái	Trưởng bản	Bản Na Hai	Thay thế	
4	Lường văn Cút	1939			Thái	TP khác	Bản Na Hai 2										
5	Quàng Văn Anh	1960			Thái	Trưởng bản	Bản Na Ten	Mất uy tín	Cà Văn Pánh	1958			Thái	CBNH	Bản Na Ten	Thay thế	
6	Vi Văn Thương	1960			Thái	Trưởng bản	Bản Na Thìn	Sáp nhập									
7	Lò Văn So	1939			Thái	TP khác	Bản Na Có	Mất uy tín	Lò Văn Tiến	1973			Thái	TP khác	Bản Na Có	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
XI	Xã Sam Mứn			6								1					
1	Lò Văn Hương	1954			Thái	Trưởng bản	Bản Lọng Dồm	Do sáp nhập									
2	Quảng Văn Thiện	1975			Thái	TP khác	Bản Cang II	Do sáp nhập									
3	Lò Văn Khặt	1935			Thái	TP khác	Bản Đon Đứa	Do sáp nhập									
4	Lò Văn Thi	1965			Thái	Trưởng bản	Yên Cang II	Mất uy tín	Lò Văn Xôm	1971			Thái	TP khác	Bản Yên Cang II	Thay thế	
5	Lò Văn Dương	1964			Thái	Trưởng bản	Bản Yên Bình	Do sáp nhập									
6	Lò Văn Chung	1956			Thái	TP khác	Thanh Bình	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
XII	Xã Noong Hệt			9								1					
1	Vì Văn Khẩu	1950			Thái	TP khác	Đội 1	Ôm đau, già yếu	Lò Văn Dợn	1957			Thái	CBNH	Bản Mớ	Thay thế	
2	Quảng Văn Dợn	1934			Thái	Trưởng bản	Đội 2	Ôm đau, già yếu									
3	Lò Văn Lún	1932			Thái	CBNH	Đội 7a	Do sáp nhập									
4	Cà Văn Lả	1944			Thái	Già làng	Đội 7b	Do sáp nhập									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
5	Lò Văn Là	1948			Thái	Già làng	Đội 15	Do sáp nhập									
6	Tòng Văn Ninh	1954			Thái	CBNH	Đội 18	Do sáp nhập									
7	Tòng Văn Cu	1958			Thái	TP khác	Đội 21a	Do sáp nhập									
8	Lò Văn Lan	1968			Thái	TP khác	Đội 21b	Do sáp nhập									
9	Nguyễn Bá Huân	1961			Kinh	TP khác	Đội 23	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
XIII	Xã Thanh An			7								1					
1	Lò Văn Hương	1954			Thái	TP khác	Bản Mới	Do sáp nhập									
2	Lường Văn Piếng	1941			Thái	Già làng	Bản Cha	Do sáp nhập									
3	Cà Văn Là	1960			Thái	Già làng	Noong Ứng 1	Do sáp nhập và bầu mới	Lò Văn Bun	1950			Thái	Già làng	Noong ứng	Thay thế	
4	Lò Văn Nhên	1940			Thái	Già làng	Noong Ứng 2										
5	Quảng Văn Yên	1958			Thái	Già làng	Bản Sáng	Do sáp nhập									
6	Cà Văn Hậu	1947			Thái	CBNH	Ten Luống	Do sáp nhập									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
7	Cà Văn Xương	1954			Thái	Già làng	Hồng Khoong	Do sáp nhập									
XIV	Xã Thanh Xương			4								4					
1	Lò Văn Hối	1953			Thái	TP khác	Đội 5	Sức khỏe	Nguyễn Văn Mười	1960			Kinh	Nghỉ hưu	Bom La	Thay thế	
2	Lò Thị Hặc	1952			Thái	TP khác	Đội 12	Sức khỏe	Lò Văn Piếng	1960			Thái	Bí thư chi bộ	Pá Đông	Thay thế	
3	Tòng Văn Lê (Xê)	1945			Thái	Nghỉ hưu	Đội 4a	Sức khỏe	Quàng Văn Muôn	1949			Thái	Khác	Bản Ten A	Thay thế	
4	Lò Văn Bô	1954			Kho Mú	TP khác	Đội 13	Sức khỏe	Quàng Văn Xuân	1970			Kho Mú	Khác	Pú Tiou 1	Thay thế	
XV	Xã Hẹ Muông			2								1					
1	Lò Văn Phở	1962			Thái	Bí thư chi bộ	Ta Lét 2	Do sức khỏe yếu	Lường Văn Chiêng	1968			Thái	Trưởng bản	Ta Lét 2	Thay thế	
2	Cà Văn Hương	1969			Thái	TP khác	Nậm Hẹ	Không được tổ chức bình xét theo đúng quy trình									
XVI	Xã Na Tông			8								4					
1	Mùa Xái Xừ	1969			Mông	TP khác	Hin Phon	Mất uy tín	Mùa Sái Tênh	1964			Mông	Già làng	Hin Phon	Thay thế	
2	Quàng Văn Inh	1935			Thái	TP khác	Bản Pa Kín II	Do sáp nhập thôn bản									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
3	Lò Văn É	1934			Lào	TP khác	Na Tông 1	Sáp nhập bản và bầu mới	Vi Văn Minh	1961			Thái	CBNH	Na Tông 1	Thay thế	
4	Quảng Văn Hình	1962			Thái	TP khác	Na Sản										
5	Tòng Văn Hoa	1972			Thái	TP khác	Na Ổ	Sáp nhập bản và bầu mới	Lò Văn Chon	1951			Thái	Người sx giỏi	Na Ổ	Thay thế	
6	Lò Văn Tân	1982			Thái	TP khác	Tân Quang										
7	Sùng Giống Nénh	1969			Mông	TP khác	Son Tổng B	Do sáp nhập thôn bản									
8	Lường Văn Yên	1971			Lào	CBNH	Na Tông 2	Mất uy tín	Vi Văn Inh	1970			Thái		Na Tông 2	Thay thế	
XVII Xã Mường Nhà				5								3					
1	Vàng A Pó	1964			Mông	Già làng	Bản Pha Lay	Mất uy tín	Vàng A Này	1953			Mông	Già làng	Bản Pha Lay	Thay thế	
2	Sùng Nhìa Chứ	1965			Mông	Già làng	Bản Hồi Hương	Mất uy tín	Lầu A Dơ	1977			Mông	Già làng	Bản Hồi Hương	Thay thế	
3	Lò Văn Ánh	1940			Thái	CBNH	Bản Na Khoang	Mất uy tín	Lường Văn Nó	1958			Thái	TP khác	Bản Na Khoang	Thay thế	
4	Vi Văn Ép	1956			Thái	CBNH	Bản Phiêng Sáng	Do sáp nhập thôn bản									
5	Lò Văn Pha	1944			Lào	CBNH	Bản Na Hôm	Do sáp nhập thôn bản									
XVIII Xã Phu Luông				2													

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Lò Văn Tổ	1949			Lào	TP khác	Bản Na Há 2	Do sáp nhập thôn bản									
2	Tòng Văn Khuân	1949			Thái	TP khác	Bản Xê 2	Do sáp nhập thôn bản									
XIX	Xã Mường Lói			1													
1	Lò Văn Thi	1962			Lào	TP khác	Bản Lói 1	Do sáp nhập thôn bản									
I	H. Điện Biên Đông			56								14					
I	Xã Phình Giàng			3													
1	Vàng Nhìa Sùng	1963			Mông	Già Làng	Bản Phi Xua A	Do sáp nhập thôn bản									
2	Vàng Súa Sênh	1968			Mông	Già Làng	Bản Pà Lâu	Do sáp nhập thôn bản									
3	Giàng Giồng Tủa	1948			Mông	Già Làng	Bản Xa Vua C	Do sáp nhập thôn bản									
II	Xã Nong U			4								3					
1	Lầu Sái Chu	1930			Mông	Trưởng đòng họ	Bản Tà Té B	Không còn uy tín	Ly Nhìa Lử	1975			Mông	Già làng	Bản Tà Té B	Thay thế	
2	Lò Văn Lanh	1963			Thái	Trưởng đòng họ	Bản Thanh Ngám	Không còn uy tín	Lò Văn Đại	1977			Thái	Trưởng đòng họ	Bản Thanh Ngám	Thay thế	
3	Lầu Tòng Chá	1974			Mông	Trưởng đòng họ	Bản Tia Mùng C	Do sáp nhập thôn bản									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)					(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)					
4	Phàng Nhài Di	1970			Mông	Già Làng	Bản Dư O A	Không còn uy tín	Phàng Chừ Sô	1970			Mông	trưởng đồng họ	Bản Dư O A	Thay thế	
III	Xã Luân Giới			6								1					
1	Lò Văn Hòa	1957			Thái	Trưởng đồng họ	Bản Yên	Do sáp nhập thôn bản									
2	Lò Văn Hòa	1964			Thái	Cán bộ nghỉ hưu	Bản Che Phai	Do sáp nhập thôn bản									
3	Tòng Văn Hặc	1938			Thái	Cán bộ nghỉ hưu	Na Cai	Chết	Lò Văn Liên	1963			Thái	Trưởng đồng họ	Bản Na cai	Thay thế	
4	Lò Văn Dénh	1964			Thái	Trưởng đồng họ	Bản Phiêng Púng	Do sáp nhập thôn bản									
5	Lò Văn Khoản	1970			Thái	Người SX giỏi	Ten Cù	Do sáp nhập thôn bản									
6	Lò Văn Thiên	1954			Thái	Trưởng đồng họ	Bản Phiêng Kên	Do sáp nhập thôn bản									
IV	Xã Chiềng Sơ			10								3					
1	Giàng Sáy Gầu	1959			Mông	TP khác	Bản Háng Pa	Không còn uy tín	Giàng Gà Thái	1974			Mông	Già làng	Bản Háng Pa	Thay thế	
2	Lường Văn Siu	1960			Xinh Mun	Già làng	Bản Hín Óng	Không còn uy tín	Vì Văn Hiếng	1962			Xinh Mun	Trưởng đồng họ	Bản Hín Óng	Thay thế	
3	Lầu Sáy Khua	1979			Mông	Trưởng bản	Bản Háng Tầu	Không còn uy tín	Giàng Chờ Sớ	1958			Mông	Trưởng đồng họ	Bản Háng Tầu	thay thế	
4	Lò Văn Hợp	1962			Xinh Mun	Già làng	Bản Huổi Hu A	Do sáp nhập thôn bản									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
5	Lò Văn Bương	1975			Thái	Già làng	Bản Co Muông	Do sáp nhập thôn bản									
6	Quảng Văn Biên	1942			Thái	Già làng	Pá Nậm B	Do sáp nhập thôn bản									
7	Lường Văn Pàn	1955			Thái	Già làng	Bản Cang A	Do sáp nhập thôn bản									
8	Lò Văn Dạ	1965			Xinh Mun	Già làng	Pá Hịa	Do sáp nhập thôn bản									
9	Lò Văn Xiên	1955			Thái	Già làng	Bản Phiêng Chai	Do sáp nhập thôn bản									
10	Lường Văn Muôn	1962			Xinh Mun	Già làng	Bản Kéo	Do sáp nhập thôn bản									
V	Xã Pì Nhừ			1													
1	Lầu Vả Sính	1959			Mông	Già làng	Bản Cồ Dề B	Do sáp nhập thôn bản									
VI	Xã Mường Luân			8								2					
1	Lò văn Kiên	1964			Thái		Bản Pá Vạt 3	Do sáp nhập thôn bản									
2	Lò Văn Lả	1954			Thái		Phiêng sọt	Do sáp nhập thôn bản									
3	Lường Văn Lanh	1958			Thái		Bản Na ten	Không còn uy tín	Lò Văn Lả	1957				Già làng	Bản Na Ten	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
4	Quảng văn Dọn	1952			Thái		Bản Na Sán 1	Do sáp nhập thôn bản									
5	Lò Văn Lún	1962			Lào		Bản Bánh	Do sáp nhập thôn bản									
6	Lò Văn Te	1957			Lào		Bản Na Hát	Không còn uy tín	Lò Văn Pẩn	1957				Già làng	Bản Na Hát	Thay thế	
7	Lò Văn Phắng	1958			Lào		Bản Mường Luân 2	Do sáp nhập thôn bản									
8	Tòng Văn Pánh	1983			Kho Mú		Bản Hát Sọt	Do sáp nhập thôn bản									
VII	Xã Na Son			5								1					
1	Lường Văn Hặc	1956			Thái		Bản Na Phát B	Do sáp nhập thôn bản									
2	Lò Văn Chiến	1954			Thái		Bản Lọng Chuông A	Do sáp nhập thôn bản									
3	Lò Văn An	1950			Thái		Bản Sư Lư 1	Do sáp nhập thôn bản									
4	Lò Văn Dóm	1934			Thái		Bản Sư Lư 3	Do sáp nhập thôn bản									
5	Lò Vă Tẻ	1952			Thái		Bản Sư Lư 4	Không còn uy tín	Quảng Văn Hiển	1957				Già làng	Bản Sư Lư	Thay thế	
VIII	Xã Keo Lôm			4								2					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Lò Văn Hoạn	1950			Thái	Già làng	Bản Huổi Múa A	Không còn uy tín	Lò Văn Đình	1965			Thái	Già làng	Bản Huổi Múa A	Thay thế	
2	Lò Văn Săn	1984			Kho Mú	Già làng	Bản Suối Lư IV	Không còn uy tín	Lò Văn Cát	1976			Kho Mú	Già làng	Bản Suối Lư IV	Thay thế	
3	Vừ Cháy Thảo	1955			Mông		Huổi Múa C	Do sáp nhập thôn bản									
4	Ly A Chu	1986			Mông		Háng Lia 2	Do sáp nhập thôn bản									
IX	Thị trấn			3								1					
1	Lò Văn Pó	1960			Thái		Tổ 3	Không còn uy tín	Lò Văn Muôn	1944			Thái	Cán bộ nghỉ hưu	Tổ 4 Thị trấn	Thay thế	
2	Quàng Văn Sôm	1962			Thái		Tổ 1	Do sáp nhập thôn bản									
3	Cà Văn Giảng	1965			Thái		Tổ 4	Do sáp nhập thôn bản									
X	Xã Pu Nhi			7													
1	Tòng Văn Ku	1950			Thái		Bản Huổi Tao C	Do sáp nhập thôn bản									
2	Ly Giồng Chia	1966			Mông		Bản Háng Trợ A	Do sáp nhập thôn bản									
3	Mùa Vả Ký	1949			Mông		Bản Háng Trợ C	Do sáp nhập thôn bản									

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
4	Lường Văn Phấn	1973			Thái		Bản Phiêng Ngám	Do sáp nhập thôn bản									
5	Hạng Dạ Súa	1954			Mông		Bản Phù Lồng C	Do sáp nhập thôn bản									
6	Sùng Chù Di	1968			Mông		Bản Pu Nhi D	Do sáp nhập thôn bản									
7	Sùng Nụ Pó	1955			Mông		Bản Pu Nhi C	Do sáp nhập thôn bản									
XI	Xã Tia Đình			5								1					
1	Cứ Giồng Cua	1938			Mông		Bản Tào La A	Do sáp nhập thôn bản									
2	Tráng Già Cầu	1972			Mông		Bản Tia Đình A	Do sáp nhập thôn bản									
3	Quảng Văn Khem	1950			Mông		Bản Na Hay A	Do sáp nhập thôn bản									
4	Giàng Giồng Vàng	1955			Mông		Bản Háng Súa A	Do sáp nhập thôn bản									
5	Vàng Tổng Sênh	1963			Mông		Bản Háng ầu B	Không còn uy tín	Giàng Chừ Dơ	1965			Mông	Già làng	Bản Háng Súa	Thay thế	
K	Huyện Nậm Pồ			20								9					
I	Xã Phìn Hồ			1								1					

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Cháng A Tăng	1970			Mông	Thành phần khác	Phìn Hồ	Không tham gia hoạt động	Giàng A Sừ	1970			Mông	Thành phần khác	Phìn Hồ	Thay thế	
II	Xã Na Cô Sa			1								1					
1	Hồ A Cháng	1964			Mông	Già làng	Huổi Thùng II	Không có uy tín	Thào A Chính	1960			Mông	Thành phần khác	Huổi Thùng II	Thay thế	
III	Xã Si Pa Phìn			9								5					
1	L ò Văn Pánh	1955			Thái	Thành phần khác											
2	Điêu Chính Tự	1957			Thái	Thành phần khác	Tân Phong	Do sáp nhập bản	Lò Văn Ím	1960			Thái	CB nghỉ hưu	Tân Phong	Thay thế	
3	Đỗ Văn Trực	1964			Kinh	CB nghỉ hưu	Tân Lập	Do sáp nhập bản									
4	Điêu Văn Vườn	1958			Thái	Thành phần khác	Chiềng Nưa	Do sáp nhập bản	Vàng Văn Vĩnh	1965			Thái	Thành phần khác	Chiềng Nưa	Thay thế	
5	Vàng Văn Lai	1965			Thái	Thành phần khác	Chiềng Nưa	Do sáp nhập bản									
6	Lý A Giàng	1969			Mông	Thành phần khác	Long Đạo	Do sáp nhập bản	Cháng A Nhè	1963			Mông	Tr. Dòng họ	Long Đạo	Thay thế	

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
7	Lý A Lử	1991			Mông	Thành phần khác	Long Đạo	Do sáp nhập bản									
8	Mùa A Phía	1959			Mông	CB nghỉ hưu	Chế Nhù	Không có uy tín	Giàng Gà Dế	1958			Mông	Thành phần khác	Chế Nhù	Thay thế	
9	Giàng A Pháng	1964			Mông	Thành phần khác	Phi Lĩnh 1	Không có uy tín	Vàng A Minh	1972			Mông	Thành phần khác	Phi Lĩnh 1	Thay thế	
IV	Xã Chà Nưa			5								2					
1	Thùng Văn Hiền	1961			Thái	Thành phần khác	Na Cang	Do sáp nhập bản	Poòng Văn Hơn	1957			Thái	Trưởng ban CTMT	Na Cang	Thay thế	
2	Khoảng Văn Pẩn	1953			Thái	Thành phần khác	Hô Bai	Do sáp nhập bản									
3	Thùng Văn Cung	1961			Thái	Thành phần khác	Nà Ấn	Do sáp nhập bản									
4	Khoảng Văn Né	1955			Thái	Thành phần khác	Nà Ấn	Do sáp nhập bản	Thùng Văn Lẽ	1959			Thái	Trưởng ban CTMT	Nà Ấn	Thay thế	
5	Lò Văn Pung	1950			Thái	CB nghỉ hưu	Nà Sự	Do sáp nhập bản									
V	Xã Nậm Khăn			1													

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ/BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3 +4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11 +12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Khoảng Văn Thái	1965			Thái	Thành phần khác	Vằng Xôn	Do sáp nhập bản									
VI	Xã Nậm Tín			1													
1	Thào A Đình	1958			Mông	Thành phần khác	Nậm Tín	Do sáp nhập bản									
VII	Xã Nà Khoa			1													
1	Thùng Văn Thim	1966			Kháng	Tr. Dòng họ	Nà Khoa	Do sáp nhập bản									
VIII	Xã Nà Hỳ			1													
I	Chảo Phú Mìn	1963			Dao	Thành phần khác	Sín Chải	Do sáp nhập bản									

TỔNG HỢP DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên.)

Biểu 02

Biểu 02																		
STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
	Tổng số	1.239	1.206	33														
A	TP. Điện Biên Phủ	94	89	5														
I	P. Nam Thanh	5																
1	Cà Văn Lún		1950		Thái	Bản Hoong En	8/10	x										
2	Lù Văn Chí		1959		Thái	Bản Pom Loi	12/12	x									x	
3	Lù Văn Đôi		1956		Thái	Bản Noong Chứn	10/10										x	
4	Lò Văn Thắm		1978		Thái	Bản Co Cáng	7/12		x								x	
5	Lò Thị Phiến			1957	Thái	Bản Khá	7/10	x										
II	P. Noong Bua	4																
1	Lò Văn Ánh		1942		Thái	Bản Noong Bua	12/12			x	x						x	
2	Lò Nguyên Hạnh		1957		Thái	Bản Khe Chít	TC				x						x	
3	Lò Văn Hạc		1957		Thái	Bản Hồng Lúu	7/10			x								
4	Lò Văn Xương		1965		Thái	Bản Phiêng Bua	7/10											
III	P. Thanh Trường	5																
1	Lường Thị Loan			1963	Thái	Bản Na Lanh	7/10											

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
2	Lường Văn Lả		1942		Thái	Bản Ta pô	7/10										x	
3	Lường Văn Sơn		1956		Thái	Bản Na púng	7/10											
4	Cà Văn Lả		1961		Thái	Bản Mớ	7/10		x								x	
5	Lường Văn Ôn		1945		Thái	Bản Che phai	7/10										x	
IV	Phường Him Lam	3															x	
1	Lò Văn Ôn		1966		Thái	Bản Him Lam I	7/12	x										
2	Lường Văn Hịa		1943		Thái	Bản Him Lam II	5/10	x										
3	Lường Văn Cu		1930		Thái	Bản Huổi Phạ	0	x										
V	Xã Thanh Minh	12																
1	Lường Văn Chưa		1958		Thái	Bản Púng tôm	TC				x						x	
2	Lường Thị Mắng			1956	Thái	Bản Na Loi	7/10				x						x	
3	Lò Văn Păn		1960		Thái	Bản Tân quang	7/10			x							x	
4	Vàng Nhia Thào		1945		Mông	Bản Pa Póm	0	x										
5	Tòng Văn Khội		1953		Thái	Bản Phiêng loi	TC				x						x	
6	Lò Thị Uôn			1958	Kho mú	Bản Huổi loi	0	x										
7	Nguyễn Văn Hải		1950		Mường	Tổ dân phố 2	7/10				x							
8	Cà Văn Ẽm		1954		Thái	Bản Co củ	4/10	x										
9	Mai Vĩnh Linh		1943		Mông	Bản Tà Lềng	10/10				x							

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
10	Lò Văn Nhói		1938		Thái	Bản Nà Nghè	5/10									x		
11	Ngô Văn Dừa		1972		Mông	Bản Kê Nênh	7/12									x		
12	Lò Văn Páng		1962		Thái	Cụm Lọng Hòm	5/7									x		
VI	Xã Nà Nhạn	14																
1	Lò Văn So		1936		Thái	Pá Khôm	2/10	x										
2	Tòng Văn Lả		1950		Thái	Nà Ngám 1	5/10	x										
3	Lù Văn Nọi		1970		Thái	Nà Ngám 2	9/12	x									x	
4	Lò Văn Tiên		1964		Thái	Huổi Hẹ	5/10	x										
5	Quàng Văn Pó		1951		Thái	Nà Nọi 1	5/10	x										
6	Lò Văn Chiến		1959		Thái	Nà Nọi 2	5/10	x										
7	Lò Văn Ứt		1954		Thái	Tẩu Pung	4/10	x									x	
8	Vì Văn Tộ		1942		Thái	Nà Nhạn 1	5/10				x						x	
9	Lò Văn Hịa		1944		Thái	Nà Nhạn 2	4/10	x									x	
10	Mùa A Chính		1962		Mông	Nà Pen 1	5/10	x									x	
11	Vàng Cháy Nô		1961		Mông	Nà Pen 2	2/10	x										
12	Giàng Phá Si		1971		Mông	Nậm Khẩu Hú	3/10	x										
13	Lý A Giàng		1977		Mông	Huổi Chồn	2/10	x										
14	Lò Văn Diện		1974		Thái	Huổi Hộc	9/12			x							x	

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
VII	Xã Nà Tấu	15																
1	Vàng A mệnh		1967		Mông	Bản Hua Róm	5/10		x									
2	Lò Văn Lả		1963		Thái	Bản Tà Cáng	5/10		x									
3	Lò Văn Nội		1947		Thái	Bản Phiêng Ban	4/10		x								x	
4	Lò Văn Phát		1958		Thái	Nà Láo	7/10		x									
5	Lò Văn Ôn		1964		Thái	Bản Xôm	7/10		x								x	
6	Tòng Văn Anh		1952		Thái	Lán Yên	7/11				x						x	
7	Lường Văn phầu		1960		Thái	Nà Cái	5/10		x								x	
8	Lìu Ní Hùng		1961		Hoa	Bản Hoa	5/10		x									
9	Cà Văn Lưu		1968		Thái	Bản Cang	7/10		x									
10	Lò Văn Tiêng		1954		Thái	Hua Luống	7/10				x						x	
11	Lò Văn Xương		1946		Thái	Nà Luống	7/10				x						x	
12	Lò Văn Hoàn		1957		Thái	Hồng Lú	7/10				x						x	
13	Lò Văn Khặt		1960		Thái	Nà Tấu 3	7/10				x						x	
14	Lò Văn Inh		1940		Thái	Nà Tấu 1	7/10				x						x	
15	Lò Văn Ấn		1942		Thái	Nà Tấu 2	5/10				x						x	
VIII	Xã Mường Phăng	20															x	
1	Hù A Lạng		1966		Mông	Bản Lọng Háy	3/10									x		

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
2	Mùa A Vừ		1960		Mông	Bản Lọng Luông 1	5/10			x								
3	Giàng A Thẹ		1955		Mông	Bản Lọng Luông 2	7/10			x								
4	Vàng A Gáu		1970		Mông	Bản Lọng Nghịu	4/10			x								
5	Lường Văn Lả		1954		Thái	Bản Co Luống	7/10									x		
6	Lường Văn Thương		1960		Thái	Bản Khẩu Cắm	5/10									x		
7	Lò Văn Bánh		1949		Thái	Bản Co Mận	4/10	x										
8	Lò Văn Linh		1944		Thái	Bản Cang 1	4/10	x										
9	Lù Văn Ổn		1962		Thái	Bản Cang 2	7/10	x										
10	Lò Văn Hặc		1950		Thái	Bản Yên 1	3/10	x										
11	Lò Văn Lả		1956		Thái	Bản Che Cẩn	7/10	x										
12	Lường Văn Sơn		1960		Thái	Bản Yên 2	5/10			x							x	
13	Cà Văn Khảm		1960		Thái	Bản Bánh	7/10									x	x	
14	Lường Văn Bánh		1948		Thái	Bản Phăng 1	2/10			x							x	
15	Lường Văn Ún		1960		Thái	Bản Phăng 3	7/10			x							x	
16	Lò Văn Phìn		1962		Thái	Bản Tân Bình	7/10										x	
17	Cà Văn Lả		1955		Thái	Bản Khá	7/10									x	x	
18	Lò Thị Quyết			1984	Thái	Xóm Trung Tâm	12/12			x							x	
19	Lò Văn Biên		1950		Thái	Bản Bua	10/10				x						x	

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghị hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
20	Lò Văn Hường		1965		Thái	Bản Co Lú	7/10			x							x	
IX	Xã Pá Khoang	16																
1	Lò Văn Ổn		1952		Thái	Bản Đông Mệt 1	4/10				x							
2	Lò Văn Giót		1954		Thái	Bản Đông Mệt 2	4/10				x						x	
3	Lò Văn Sơn		1957		Thái	Bản Co Thón	4/10									x		
4	Lò Văn Diên		1956		Thái	Bản Xôm	4/10									x	x	
5	Lường Văn Láo		1950		Thái	Bản Xôm 3	7/10				x						x	
6	Quàng Văn Mứn		1958		Khơ Mú	Bản Ten	3/10									x	x	
7	Lò Văn Dũng		1961		Khơ Mú	Bản Kéo	4/10									x		
8	Lường Văn Hương		1960		Thái	Bản Nhịu	5/10									x	x	
9	Lò Văn Lả		1966		Khơ Mú	Bản Co Muông	4/10									x		
10	Lường Văn Dinh		1956		Thái	Bản Hả	4/10									x	x	
11	Lường Văn Sơn		1963		Thái	Bản Sáng	7/10									x	x	
12	Quàng Văn Xịch		1948		Thái	Bản Bó	4/10									x	x	
13	Lò Văn Dên		1966		Khơ Mú	Bản Co Cọm	4/10			x							x	
14	Bạc Cẩm Inh		1963		Thái	Bản Pá Trà	4/10			x							x	
15	Quàng Văn Sọ		1952		Khơ Mú	Bản Vang	2/10									x	x	
16	Quàng Văn Ca		1961		Khơ Mú	Bản Pú Sung	4/10									x	x	

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
B	Thị xã Mường Lay	31	27	4														
I	Phường Na Lay	12																
1	Đieu Văn Sín		1947		Thái	Bản Na Nát	3/10										x	
2	Lù Văn Chanh		1958		Thái	Bản Đơ	7/10				x						x	
3	Lò Thị Xiêm			1955	Thái	Tổ dân phố 1	10/10				x							
4	Mào Minh Mến			1950	Thái	Tổ dân phố 4	10/10				x						x	
5	Lìm Văn Sóng		1956		Thái	Bản Hóc	5/10											
6	Lường Văn Phái		1950		Thái	Bản Nậm Cản	6/10										x	
7	Khoảng Văn Sìn		1945		Thái	Bản Chi Luông 1	5/10										x	
8	Sìn Thị Vui			1955	Thái	Bản Chi Luông 2	5/10										x	
9	Vàng Văn Huyn		1953		Thái	Bản Quan Chiêng	7/10										x	
10	Chừu Văn Pầu		1950		Thái	Bản Xá	5/10										x	
11	Đieu Văn Hặc		1955		Thái	Bản Nghé Toong	3/10										x	
12	Khoảng Văn Thiệp		1939		Thái	Bản Đán	6/10										x	
II	Xã Lay Nưa	16															x	
1	Lò Văn Phân		1956		Thái	Bản Ho Luông 1	7/10	x										
2	Lò Văn Hoi		1960		Thái	Bản Ho Luông 2	7/10				x						x	
3	Lò Văn Quyết		1962		Thái	Bản Ho Luông 3	8/10										x	

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghị hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
4	Chui Văn Vui		1956		Thái	Bản Ổ	6/10	x									x	
5	Lò Văn Phiên		1967		Thái	Bản Bắc 1	7/10									x	x	
6	Ngô Văn Sơn		1959		Thái	Bản Bắc 2	7/10									x		
7	Lò Văn Châu		1957		Thái	Bản Na Ka	7/10									x		
8	Lò Văn Sụp		1950		Thái	Bản Mo 1	7/10	x								x		
9	Khoảng Văn Ngạch		1942		Thái	Bản Ho Cang	7/10				x						x	
10	Hoàng Thị Hương			1971	Thái	Bản Tạo Sen	7/10									x		
11	Sìn Văn Vị		1956		Thái	Bản Ló	7/10									x		
12	Điêu Chính Hợp		1951		Thái	Bản Lé	7/10	x										
13	Giàng A Lù		1955		Mông	Bản Huổi Luân	5/10	x									x	
14	Giàng Chờ Thề		1962		Mông	Bản Hô Huổi Luông	3/10									x		
15	Hờ A Sầu		1975		Mông	Bản Hô Nậm Cản	5/10									x		
16	Lò Văn Đông		1957		Thái	Bản Mo 2	7/10									x	x	
III	Phường Sông Đà	3																
1	Điêu Văn Phòng		1970		Thái	Tổ dân phố 01	7/10									x	x	
2	Khoảng Văn Nguyên		1959		Thái	Tổ dân phố 05	5/10									x		
3	Lầu A Dính		1931		Mông	Bản Huổi Mìn	5/10	x										
C	Huyện Mường Chà	104	100	4														

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
I	Xã Nậm Nèn	8																
1	Tòng Văn Sâm		1954		Thái	Bản Nậm Nèn II	4/10											
2	Ly A Dính		1988		Mông	Bản Cứu Táng	9/12								x			
3	Lò Văn Kéo		1963		Kho Mú	Bản Hồ Mực	4/10								x			
4	Lò Văn Nhời		1969		Thái	Bản Nậm Cút	7/12									x	x	
5	Lò Văn Phan		1950		Kháng	Bản Phiêng Đất A	2/10									x	x	
6	Điêu Chính Nơi		1975		Thái	Bản Phiêng Đất B	7/12								x			
7	Lò Văn Sím		1957		Thái	Bản Nậm Nèn I	5/10									x	x	
8	Hạng A Dua		1985		Mông	Bản Háng Trờ	5/12									x	x	
II	Xã Pa Ham	7																
1	Giàng Trồng Di		1954		Mông	Bản Huổi Đáp	2/10											
2	Vừ Sái Páo		1958		Mông	Bản Huổi Bon	4/10									x		
3	Lò Văn Ngân		1964		Thái	Bản Mường Anh I	4/10									x		
4	Lò Văn Chân		1966		Thái	Bản Phong Châu	4/10									x		
5	Lò Văn Chú		1940		Thái	Bản Pa Ham	4/10									x		
6	Lò Văn Than		1939		Thái	Bản Mường Anh II	2/10									x		
7	Giàng Dụ Chổng		1954		Mông	Bản Huổi Cang	2/10									x		
III	Xã Mường Tùng	11																

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
1	Lò Thị Mai			1962	Thái	Bản Pom Cại	5/10									x	x	
2	Lường Văn Kiếm		1952		Thái	Bản Mường Tùng	7/10									x	x	
3	Lù Văn Vặn		1959		Thái	Bản Tin Tốc	10/10				x					x	x	
4	Giàng Gia Thùng		1974		Mông	Bản Huổi Chá	3/12										x	
5	Lường Văn Phương		1955		Thái	Bản Nậm He	7/10	x							x			
6	Lò Văn Chơ		1957		Thái	Bản Huổi Sáy	7/10										x	
7	Ly A Ẹ		1957		Mông	Bản Nậm Cang	3/10									x	x	
8	Ly A Ca		1966		Mông	Bản Nậm Piễn	9/12					x				x		
9	Chang Nỏ Chu		1957		Mông	Bản Đán Đanh	3/10											
10	Ly Xính Xề		1967		Mông	Bản Púng Trạng	7/10									x		
11	Chang A Cá		1966		Mông	Bản Huổi Diết	5/10									x		
IV	Xã Huổi Mí	10														x		
1	Giàng A Sẻ		1968		Mông	Bản Lùng Thàng 2	2/10											
2	Cứ Súa Thảo		1974		Mông	Bản Pa Soan 1	4/12									x		
3	Vừ Giổng DE		1943		Mông	Bản Lùng Thàng 1	1/10									x		
4	Vừ Giổng Sờ		1975		Mông	Bản Huổi Mí 1	3/12									x		
5	Giàng Chứ Trầu		1958		Mông	Bản Huổi Mí 2	2/10									x		
6	Lò Văn Thiện		1969		Thái	Bản Long Tạo	2/10									x		
																x		

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
7	Khoảng Pa Lâu		1959		Thái	Bản Pa Ít	2/10									x		
8	Vừ Nụ Páo		1974		Mông	Bản Huổi Ít	5/12									x		
9	Vừ Chừ Giàng		1972		Mông	Bản Huổi Xuân	2/10									x		
10	Hồ A Lồng		1990		Mông	Bản Pan Soan 2	8/12									x		
V	Xã Huổi Lèng	7																
1	Sản Sùi Mìn		1975		Hoa	Bản Huổi Lèng	4/12									x		
2	Giàng Xá Sừ		1964		Mông	Bản Huổi Toóng I	2/10									x		
3	Hạng Sùa Sáng		1952		Mông	Bản Trung Đình	2/10									x		
4	Giàng Xá Thàng		1954		Mông	Bản Huổi Toóng II	2/10									x		
5	Sùng Chờ Máng		1982		Mông	Bản Ca Dính Nhè	2/12									x		
6	Sùng Vàng Dừng		1954		Mông	Bản Ma Lù Thàng	4/10									x		
7	Sùng Nhè Chừ		1962		Mông	Bản Nậm Chua	3/10									x		
VI	Xã Ma Thì Hồ	12																
1	Ly A Vừ		1990		Mông	Bản Nậm Chim	9/12									x		
2	Vàng Chồng Tăng		1987		Mông	Bản Huổi Mỹ	9/12									x		
3	Vàng A Dơ		1948		Mông	Bản Huổi Quang I	2/10									x		
4	Cháng Giồng Sính		1977		Mông	Bản Huổi Y	5/12									x		
5	Cháng Sưa Dơ		1975		Mông	Bản Huổi Quang II	5/12									x		

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
6	Sùng Nhè Cầu		1957		Mông	Bản Ma Thì Hồ II	3/10									x		
7	Sùng Giồng Chua		1966		Mông	Bản Làng Dung	3/10									x		
8	Vàng A Dĩa		1954		Mông	Bản Huổi Sang	2/10									x		
9	Vừ Sáy Lồng		1958		Mông	Bản Hồ Chim I	2/10									x		
10	Vừ Chổng Pao		1980		Mông	Bản Hồ Chim II	4/12									x		
11	Giàng A Ký		1982		Mông	Bản Huổi Chua	2/12									x		
12	Sùng Chổng Pùa		1972		Mông	Bản Ma Thì Hồ I	2/10									x		
VII	Xã Hừa Ngải	8																
1	Mùa Chừ Tủa		1950		Mông	Bản Há Là Chủ A	1/10									x		
2	Sùng Giồng Xĩa		1943		Mông	Bản Há Là Chủ B	2/10									x		
3	Giàng Nhè Thàng		1947		Mông	Bản San Suối	4/10									x		
4	Sùng Phái Hoa		1976		Mông	Bản San Sả Hồ	5/12									x		
5	Ly Gà Sáng		1954		Mông	Bản Phi Công	3/10									x		
6	Vàng Giồng Chừ		1967		Mông	Bản Hừa Ngải	2/10									x		
7	Giàng Trùng Chớ		1962		Mông	Bản Hát Tre	5/9		x									
8	Sùng Chừ Cửa		1964		Mông	Bản Phua Dì Tổng	2/10									x		
VIII	Xã Sá Tổng	9																
1	Sùng Khoa Páo		1956		Mông	Bản Dế Da	3/10									x		

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghị hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
2	Vàng Vàng Hồ		1945		Mông	Bản Trung Ghênh	2/10									x		
3	Hồ Bia Tú		1957		Mông	Bản Sá Tổng	4/10									x		
4	Giàng Chùng Dính		1971		Mông	Bản Phi Hai	4/10									x		
5	Giàng A Khai		1970		Mông	Xà Phình I	3/10									x		
6	Giàng Chá Hồ		1969		Mông	Bản Háng Mò Lừ	2/10									x		
7	Hồ Bia Lù		1948		Mông	Bản Xá Ninh	7/10									x		
8	Giàng Nhè Sính		1972		Mông	Bản Xà Phìn II	5/12									x		
9	Giàng Chừ Dình		1958		Mông	Bản Đề Dê	3/10									x		
IX	Xã Sa Long	6																
1	Sản Quán Sính		1957		Hoa	Bản Thèn Pà	2/10									x		
2	Vàng Chồng Chia		1960		Mông	Bản Cổng Trời	4/10									x		
3	Chó Bia Hồ		1952		Mông	Bản Sa Long I	4/10									x		
4	Hồ Giồng Chua		1976		Mông	Bản Sa Long II	5/12									x		
5	Lý Dụ Cánh		1962		Mông	Bản 36	3/10									x		
6	Hồ Nhè Chừ		1958		Mông	Bản Chiêu Ly	2/10									x		
X	Xã Na Sang	10																
1	Mào Văn Lại		1963		Thái	Bản Na Pheo	7/10									x		
2	Lò Văn Kẹo A		1957		Khơ Mú	Bản Na Sang	3/10									x		

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
3	Cà Văn Sy		1951		Khơ Mú	Bản Co Đũa	2/10									x		
4	Lò Văn Hặc		1950		Kháng	Bản Hìn I	3/10									x		
5	Lường Văn Kẹo		1945		Kháng	Bản Hìn II	5/10									x		
6	Giàng A Tếnh		1957		Mông	Bản Huổi Lóng	2/10									x		
7	Vàng Chứ Chia		1949		Mông	Bản Huổi Xưa	2/10									x		
8	Sinh Sái Linh		1958		Mông	Bản Huổi Xuân	2/10									x		
9	Lý Sầu Và		1964		Mông	Bản Nậm Bó	2/10									x		
10	Thào Chừ Dénh		1964		Mông	Bản Huổi Hạ	2/10									x		
XI	Thị Trấn Mường Chà	5																
1	Lường Văn Phanh		1950		Thái	Tổ dân phố số 1	5/10									x		
2	Lò Văn Ngoan		1951		Thái	Tổ dân phố số 2	5/10									x		
3	Hoàng Thị Sinh			1966	Thái	Tổ dân phố số 6	7/10									x		
4	Vàng Sáy Vừ		1939		Mông	Tổ dân phố số 13	2/10									x		
5	Lò Thị Thu			1960	Thái	Tổ dân phố số 11	10/10									x		
XII	Xã Mường Mươn	11																
1	Lò Văn Pán		1950		Thái	Mường Mươn I	5/10									x		
2	Lò Văn Bùn		1952		Thái	Mường Mươn II	5/10									x		

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
3	Lò Thị Pánh			1975	Khơ mú	Huổi Vang	4/10									x		
4	Lý Văn Lún		1957		Khơ mú	Púng Giắt I	7/10									x		
5	Lò Văn Lún		1954		Khơ mú	Púng Giắt II	3/10									x		
6	Sùng Duốc Pó		1962		Mông	Huổi Nhà	4/10									x		
7	Sùng Giống Vừ		1965		Mông	Kết Tinh	3/10									x		
8	Mùa A Vừ		1980		Mông	Pú Múa	5/10									x		
9	Lý A Khư		1945		Mông	Huổi Ho	3/10									x		
10	Giàng A Súa		1940		Mông	Pú Chá	2/10									x		
11	Hồ A Lừ		1968		Mông	Huổi Meo	4/10									x		
D	Huyện Mường Ảng	99	99															
I	Xã Búng Lao	14																
1	Lò Văn É		1941		Thái	Bản Búng	2/10									x		
2	Quảng Văn Sinh		1973		Khơ Mú	Bản Huổi Cẩm	5/12									x		
3	Lò Văn Khậy		1974		Thái	Bản Nà Lầu	9/12			x								
4	Lò Văn Tường		1946		Thái	Bản Xuân Tre II	4/10									x		
5	Lường Văn Hương		1973		Thái	Bản Khu Chợ	7/12									x		
6	Lò Văn Tâm		1968		Thái	Bản Hồng Sọt	6/10			x								
7	Lường Văn Thiện		1984		Thái	Bản Xuân Món	9/12			x							x	

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghị hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
8	Lò Văn Hặc		1952		Thái	Bản Co Nồng	2/10									x		
9	Vàng A Sênh		1977		Mông	Bản Pú Nen	4/10									x		
10	Lò Văn Dương		1949		Thái	Bản Xuân Tre I	4/10									x		
11	Lường Văn Hồ		1960		Thái	Bản Nà Dên	5/10									x		
12	Lò Văn Hóa		1971		Thái	Bản Pá Tong	9/12			x						x	x	
13	Vàng A Chia		1979		Mông	Bản Pá Sáng	9/12									x	x	
14	Giàng Chứ Vàng		1963		Mông	Bản Kéo Nánh	3/10									x		
II	Xã Ảng Cang	18																
1	Sùng Sáy Hò		1974		Mông	Bản Pu Kai	3/10									x		
2	Thào Chứ Thái		1968		Mông	Bản Pu Khớ	2/10									x		
3	Vừ Nhìa Đế		1962		Mông	Bản Hua Nặm	2/10	x										
4	Lường Văn Bình		1955		Thái	Bản Mánh Đanh	3/10									x		
5	Cà Văn Sinh		1950		Thái	Bản Hua Ná	2/10	x										
6	Lò Văn Dương		1943		Thái	Bản Co En	4/10									x	x	
7	Lò Văn Khang		1936		Thái	Bản Kéo	2/10	x										
8	Cà Văn Thời		1968		Thái	Bản Noong Háng	3/10									x	x	
9	Lù Văn Nụi		1960		Thái	Bản Huổi Sứa	4/10									x		
10	Lò Văn Hịa		1960		Thái	Bản Cỏi Bánh	3/10									x		

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
11	Lường Văn Pọm		1944		Thái	Bản Hua Nguống	2/10									x		
12	Cà Văn É		1947		Thái	Bản Pom Ké	3/10									x	x	
13	Lò Văn Bạ		1969		Thái	Bản Hồng Sọt	4/10									x		
14	Hồ Dứa Đế		1959		Mông	Bản Pú Súa	4/10									x		
15	Lường Văn Uống		1954		Thái	Bản Co Sán	3/10									x		
16	Lù Văn Là		1973		Thái	Bản Hón Sáng	5/10	x								x		
17	Quàng Văn Hương		1975		Thái	Bản Giàng	5/10									x		
18	Hồ Sái Phía		1950		Mông	Pá Liếng	4/10									x		
III	Xã Ngồi Cáy	8																
1	Tòng Văn Xuyên H		1962		Thái	Bản Sắng	4/10		x									
2	Lò Văn Miên		1963		Thái	Bản Ngồi	5/10								x			
3	Lò Văn Yêu		1939		Thái	Bản Cáy	2/10	x										
4	Tráng A Do		1964		Mông	Bản Chan III	4/10	x										
5	Mùa A Chư		1970		Mông	Bản Nặm Cúm	5/10								x			
6	Lò Văn Giót		1952		Thái	Bản Xuân Ban	3/10				x							
7	Lò Văn Biên		1971		Thái	Bản Co Cọ	5/10								x			
8	Bạc Cầm Hải		1963		Thái	Bản Co Hầm	3/10	x										
IV	Xã Mường Lạn	9																

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
1	Tông Văn Chủ		1961		Thái	Bản Hua Ná	4/10		x									
2	Lò Văn Pó		1958		Thái	Bản Có	5/10			x								
3	Lò Văn Dương		1942		Thái	Bản Xuân Lửa	4/10		x									
4	Lò Văn Tùn		1954		Thái	Bản Lạn	4/10		x									
5	Lò Văn Hà		1962		Thái	Bản Nhộp	4/7				x							
6	Quàng Văn Lá		1957		Thái	Bản Bon	5/10									x		
7	Lò Văn Dọn		1942		Thái	Bản Co Sắn	3/10									x		
8	Lò Văn Điện		1970		Thái	Bản Huổi Lỵ	2/12								x		x	
9	Lù Văn Bóng		1955		Khơ Mú	Bản Pá Nặm	4/10			x								
V	Xã Mường Đăng	11																
1	Lường Văn Đoàn		1956		Thái	Bản co muông	3/10	x										
2	Lò Văn Khón		1949		Thái	Bản Đẳng	2/10				x						x	
3	Quàng Văn Muôn		1941		Thái	Bản Pọng	2/10				x						x	
4	Bạc Cẩm Khan		1959		Thái	Bản Xôm	4/10									x		
5	Giàng A Páo		1971		Mông	Bản Nặm Pọng	5/10									x		
6	Lý A Tạng		1969		Mông	Bản Nặm Chan I	3/10									x		
7	Lý A Lệnh		1964		Mông	Bản Nặm Chan II	4/10									x		
8	Quàng Văn Liền		1959		Thái	Bản Co Pháy	4/10									x		

STT	Huyện/xã	Tổng số	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Nơi cư trú (Ghi rõ thôn, bản...)	Trình độ văn hóa chuyên môn	Thành phần NCUT									Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghị hưu	Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Thành phần khác		
1	2	3	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
9	Quảng Văn Pâng		1942		Thái	Bản Thái	3/10									x		
10	Lý A Sủ		1969		Mông	Bản Pơ Mu	3/10									x		
11	Quảng Văn Ấn		1960		Thái	Bản Ban	3/10									x		
VI	Xã Ảng Tở	6														x		
1	Lò Văn Thắng		1971		Khơ Mú	Bản Cha Cuông	7/10			x							x	
2	Hồ A Páo		1975		Mông	Bản Huổi Chỏn	5/10			x								
3	Quảng Văn Chiến		1969		Thái	Bản Cha Nọ	3/10				x						x	
4	Nguyễn Thị Hồng		1950		Kinh	Bản Bua 1	4/10				x							
5	Quảng Văn Tây		1932		Thái	Bản Bua II	5/10				x						x	
6	Lý A Cá		1960		Mông	Bản Huổi Châng	3/10									x		
VII	Xã Xuân Lao	14																
1	Lò Văn Tín		1947		Thái	Bản Kéo	3/10	x										
2	Lò Văn Phúc		1958		Thái	Bản Lao	3/10									x	x	
3	Tòng Văn Xuân		1959		Thái	Món Hà	4/10									x	x	
4	Lò Văn Hóa		1963		Thái	Pháy Váng	5/10									x	x	
5	Lò Văn Mạn		1963		Thái	Cò Muông	5/10			x								
6	Vàng Chứ Mua		1962		Khơ mú	Phiêng Lao	3/10			x								
7	Giàng Giống Dừa		1959		Mông	Pha Hún	4/10	x										